

**MỤC LỤC TÀI LIỆU**

<b>STT Tài liệu</b>	<b>Nội dung</b>
1	Chương trình Đại hội; Quy chế tổ chức Đại hội; Quy chế bầu bổ sung thành viên HĐQT.
2	Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động 2020, định hướng năm 2021.
3	Tờ trình về việc niêm yết cổ phiếu tại sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE).
4	Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021.
5	Tờ trình về việc chấp thuận Hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội.
6	Báo cáo của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
7	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.
8	Tờ trình thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.
9	Tờ trình Thông qua báo cáo tài chính năm 2020.
10	Tờ trình Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020.
11	Tờ trình thông qua mức thù lao cho thành viên HĐQT và BKS năm 2020 và đề xuất mức thù lao cho thành viên HĐQT và BKS năm 2021.
12	Tờ trình Về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và ban hành Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
13	Tờ trình Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT.

**CHƯƠNG TRÌNH HỌP**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

**Thời gian:** Từ 14h00 đến 17h30 ngày 23/04/2021.

**Địa điểm:** Hội trường tầng 15 tòa nhà Viettel, số 1 Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Thời gian	Nội dung	Người trình bày
13h30 - 14h00	1. Đón tiếp đại biểu 2. Đăng ký đại biểu 3. Kiểm tra tư các cổ đông 4. Phát tài liệu, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử	- Ban Tổ chức - Ban Thẩm tra TCCĐ - Ban Thẩm tra TCCĐ - Ban Thẩm tra TCCĐ
14h00 - 14h30	5. Khai mạc, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu. 6. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông, công bố số lượng cổ đông tham dự Đại hội. 7. Khai mạc Đại hội, giới thiệu và biểu quyết thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu	- Ban Tổ chức - Ban Thẩm tra TCCĐ  - Chủ tịch đoàn
14h30 - 14h45	8. Thông qua Chương trình Đại hội 9. Thông qua dự thảo quy chế làm việc của Đại hội	- Chủ tịch đoàn - Đoàn chủ tịch
14h45 - 15h45	10. Thảo luận và thông qua các nội dung: a. Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động 2020, định hướng năm 2021. b. Tờ trình về việc niêm yết cổ phiếu tại sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE). c. Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021. d. Trình bày Tờ trình về việc chấp thuận Hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội e. Báo cáo của Ban kiểm soát tại ĐHCĐ thường niên năm 2021. f. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021. g. Tờ trình thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS	- Chủ tịch đoàn chủ trì: - Đại diện HĐQT  - Đại diện HĐQT  - Tổng Giám đốc  - Đại diện HĐQT  - Đại diện Ban kiểm soát - Đại diện Ban kiểm soát - Đại diện Ban kiểm soát

	<p>h. Tờ trình Thông qua báo cáo tài chính năm 2020.</p> <p>i. Tờ trình Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020.</p> <p>j. Tờ trình thông qua mức thù lao cho thành viên HĐQT và BKS năm 2020 và đề xuất mức thù lao cho thành viên HĐQT và BKS năm 2021.</p> <p>k. Tờ trình Về việc Bổ sung ngành nghề kinh doanh, sửa đổi Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel</p> <p>l. Tờ trình Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT.</p>	<p>- Đại diện P.TCKT</p> <p>- Đại diện P.TCKT</p> <p>- Đại diện HĐQT</p> <p>- Đại diện HĐQT</p> <p>- Đại diện HĐQT</p>
15h45- 16h00	<p>11. Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025</p> <p style="text-align: center;"><b>[BẦU CỬ]</b></p>	<p>- Ban kiểm phiếu</p> <p>- Cổ đông</p>
16h00- 16h30	<p>12. Kiểm phiếu</p> <p>13. Thảo luận:</p>	<p>- Ban kiểm phiếu</p> <p>- Đoàn chủ tịch</p>
16h30- 16h40	<p>14. Công bố kết quả bầu cử</p> <p>15. Bỏ phiếu thông qua các nội dung tại Đại hội.</p> <p style="text-align: center;"><b>[BỎ PHIẾU]</b></p>	<p>- Ban kiểm phiếu</p> <p>- Cổ đông</p>
16h40- 16h50	<b>GIẢI LAO 10P</b>	
16h50- 17h10	<p>16. Công bố kết quả kiểm phiếu</p> <p>17. Đọc Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội</p> <p>18. Biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội</p>	<p>- Ban kiểm phiếu</p> <p>- Ban Thư ký.</p> <p>- Đoàn chủ tịch</p>
17h10- 17h30	<p>19. Tổng kết và bế mạc Đại hội</p> <p>20. Ra mắt thành viên HĐQT.</p>	<p>- Ban tổ chức</p>

Số: 02/BC-VCC-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2021

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Công trình Viettel.

Năm 2020 là năm nền kinh tế thế giới rơi vào suy thoái do tác động nặng nề từ dịch Covid-19. Tại Việt Nam bên cạnh dịch bệnh thì biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, bão, lũ, sạt lún, hạn hán, xâm nhập mặn, ... diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

Là một năm khó khăn, tuy nhiên Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel (sau đây gọi là “Công ty”) đã xuất sắc hoàn thành các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao và đạt được những thành tích giải thưởng và danh hiệu cao quý.

Hội đồng quản trị (HĐQT) xin được báo cáo Đại hội kết quả hoạt động của HĐQT năm 2020, định hướng năm 2021, như sau:

### **I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020**

#### **1. Đánh giá chung**

Năm 2020 là một năm thành công lớn của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel với những thành tích sau:

- Tổng công ty đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2020 và nhiệm kỳ 2020-2025 qua đó bầu ra được HĐQT và BKS cho nhiệm kỳ mới. Cùng với việc kiện toàn về mô hình kinh doanh và nhân sự, HĐQT đã phê duyệt chiến lược SXKD 2020-2025 với mục tiêu đưa Tổng công ty chúng ta trở thành nhà đầu tư, vận hành, cung cấp công trình thông minh, hiệu quả cao nhất.

- Trong năm, Công ty đã vinh dự đón nhận Huân chương bảo vệ tổ quốc hạng nhất giai đoạn 2015 - 2020 do Đảng và Nhà nước trao tặng, Cờ thi đua Chính phủ, Giải Vàng Steview Awards 2020 (Công ty của năm, lĩnh vực xây dựng dành cho Công ty có quy mô lớn), People Choice's Awards 2020 - Internation Business Awards (Công ty được yêu thích nhất của năm do độc giả bình chọn), Top 500 doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất 2020 - FAST500 (Xếp thứ hạng 103/500 doanh nghiệp), Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2020 - VNR500 (Xếp thứ hạng 243/500 doanh nghiệp).

- Về vốn hóa thị trường: Vốn hóa tại ngày 31/12/2020 của Công ty là 4.950 tỷ đồng tăng gấp đôi so với đầu năm.

## 2. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao

### 2.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

#### 2.1.1. Kết quả kinh doanh năm 2020

Trước những diễn biến khó lường và ảnh hưởng sâu rộng của Covid-19 cũng như thiên tai, Ban Điều hành đã nhanh chóng xây dựng các kịch bản kinh doanh khác nhau bám sát theo biến động của thị trường và tình hình, tổ chức điều hành quyết liệt theo mục tiêu đã đề ra như sau:

- Tổng doanh thu hợp nhất năm 2020 đạt 6.380 tỷ đồng hoàn thành 106% kế hoạch, tăng trưởng 24% so với cùng kỳ 2019.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2020 đạt 345 tỷ đồng hoàn thành 136% kế hoạch, tăng trưởng 44% so với cùng kỳ 2019.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020 đạt 274,2 tỷ đồng hoàn thành 138% kế hoạch, tăng trưởng 45% so với cùng kỳ 2019.

#### 2.1.2. Kết quả thực hiện các chuyển đổi chiến lược:

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện đúng các định hướng chuyển đổi chiến lược, cụ thể:

- Chuyển từ nhà thầu dịch vụ, thương mại thành công ty sở hữu tài sản, hạ tầng cho thuê (Việc đầu tư hạ tầng cho thuê đã được triển khai từ cuối năm 2018, đạt doanh thu 14 tỷ của năm 2019 và đã đạt mức doanh thu 65,3 tỷ năm 2020, gấp 7,5 lần doanh thu năm 2019).
- Chuyển dịch từ xây dựng, vận hành hạ tầng viễn thông sang cung cấp toàn trình từ Thiết kế - Triển khai - Vận hành - Tối ưu hạ tầng kết nối thông minh (Thiết kế triển khai smarthome khu biệt thự Thụy Khuê - Hà Nội cho Tập đoàn GFS, dự án Golden City Nghệ An, dự án Vinhomes Hải Phòng; Làm toàn trình từ tư vấn, thiết kế, triển khai và vận hành một phần ~ 70 Mwp điện năng lượng mặt trời; ...).
- Vận hành tổ chức theo định hướng chuyển dịch số: Kết thúc năm 2020, điểm chuyển đổi số của Công ty đã tăng từ 2,1/5 điểm lên 3,2/5 điểm (thang 5 điểm theo TMForum), tiến tới mục tiêu từ năm 2021 thực hiện tư vấn chuyển đổi số cho các doanh nghiệp ngoài Tập đoàn.
- Mở rộng kinh doanh các lĩnh vực như Energy-as-a-service và Cơ điện (M&E), đặc biệt là năng lượng tái tạo (năm 2020 đã triển khai EPC ~ 70 Mwp điện năng lượng mặt trời).

### 2.2. Thực hiện những nội dung được ĐHĐCĐ ủy quyền

#### 2.2.1. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2020:

Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát tổ chức và quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2020 là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

#### **2.2.2. Chi trả cổ tức năm 2019 trong năm 2020:**

Nghị quyết số 43/NQ-VCC-HĐQT ngày 30/06/2020 thông qua phương án chi trả cổ tức và Nghị quyết số 46/NQ-VCC-HĐQT ngày 23/7/2020 về việc chi trả cổ tức, đảm bảo đúng nội dung đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và nhiệm kỳ 2020-2025 phê duyệt:

- Trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%: tổng số tiền chi trả 60.697.509.000 đồng (Sáu mươi tỷ, sáu trăm chín bảy triệu, năm trăm lẻ chín nghìn đồng). Thời gian chi trả: 18/08/2020.

- Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 16% vốn điều lệ. Tổng Công ty đã phát hành 9.710.616 cổ phiếu (Chín triệu, bảy trăm mười nghìn, sáu trăm mười sáu cổ phần). Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá 97.106.160.000 đồng (Chín mươi bảy tỷ, một trăm lẻ sáu triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng). Thời gian chi trả: tháng 8/2020.

#### **2.2.3. Tăng vốn điều lệ bằng phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu:**

Thực hiện Nghị quyết số 060602/NQ-VCC-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2020, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức trong tháng 08/2020, thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ với cơ quan Đăng ký kinh doanh và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 29/9/2020.

#### **2.2.4. Phát hành cổ phiếu ESOP năm 2020:**

Thực hiện theo nghị quyết của Đại hội, HĐQT đã ban hành 03 nghị quyết (Nghị quyết số 65/QĐ-VCC-HĐQT ngày 05/10/2020 về Phê duyệt quy chế Esop và triển khai chương trình phát hành cổ phiếu Esop 2020; Nghị quyết số 68/NQ-VCC-HĐQT ngày 27/10/2020 về Chốt danh sách CBNV đc mua cổ phiếu ESOP và ngày thu tiền và Nghị quyết số 71A/NQ-VCC-HĐQT ngày 10/11/2020 về Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu ESOP) để triển khai phát hành cổ phiếu ESOP. Kết quả phát hành như sau:

- Số cổ phiếu đã phát hành thành công: 1.373.703 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu
- Số người lao động được phân phối: 793 người
- Số cổ phiếu phát hành sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 2 năm kể từ ngày 05/11/2020.
- Vốn điều lệ sau đợt phát hành: 717.818.280.000 đồng.

#### **2.2.5. Sửa đổi Điều lệ:**

Ngay sau khi ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua nội dung Dự thảo sửa đổi Điều lệ Công ty, HĐQT đã chỉ đạo ban hành Điều lệ theo đúng quy định.

### **2.2.6. Thực hiện giao dịch với người liên quan:**

Công ty đã ký 02 hợp đồng theo tờ trình chấp thuận hợp đồng, giao dịch với đại diện Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội theo tờ trình được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể như sau:

- Hợp đồng số 2812.01-DTTS/VTT-VCC/2019 về Hợp đồng cung cấp dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin dịch vụ viễn thông. Giá trị hợp đồng: 1.648 tỷ đồng.
- Hợp đồng số 2812.02-DTTS/VTT-VCC/2019 về Hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng cố định băng rộng. Giá trị hợp đồng: 1.732 tỷ đồng.

Ngoài ra HĐQT đã phê duyệt thông qua chủ trương cho phép Tổng giám đốc ký các hợp đồng giao dịch có tính chất thường xuyên với người có liên quan của Công ty: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội trong năm 2020. Số lượng các hợp đồng ký 2.016 hợp đồng tương ứng với giá trị 1.903 tỷ đồng.

## **3. Tổ chức và hoạt động của HĐQT**

### **3.1. Công tác tổ chức và hoạt động của HĐQT:**

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 21 cuộc họp (trong đó 15 cuộc họp trực tiếp và 6 lần xin ý kiến bằng văn bản) thông qua các nội dung trong thẩm quyền phê duyệt của HĐQT đảm bảo đúng quy định của Pháp luật.

HĐQT đã tập trung vào nhiệm vụ phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư hạ tầng cho thuê; phê duyệt và chuẩn hóa mô hình tổ chức; phê duyệt các nội dung theo phân cấp thẩm quyết; giao chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, chỉ tiêu tài chính đến quý; kiểm soát, giám sát và đánh giá số liệu để cảnh báo cho Ban Điều hành nhằm đảm bảo Tổng Công ty hoàn thành kế hoạch năm và thực hiện theo đúng chiến lược đã được phê duyệt.

Số lượng các cuộc họp:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV HĐQT	Số buổi tham dự họp HĐQT	Tỷ lệ tham dự
1	Ông Nguyễn Đình Chiến	Chủ tịch HĐQT	06/06/2020	7	100%
2	Ông Dương Quốc Chính	Chủ tịch HĐQT	Tham gia HĐQT ngày 25/4/2015; Miễn nhiệm ngày 06/06/2020	8	100%

3	Ông Phạm Đình Trường	Thành viên HĐQT kiêm TGD	26/01/2019	15	100%
4	Bà Nghiêm Phương Nhi	Thành viên HĐQT	06/06/2020	6	86%
5	Ông Bùi Thế Hùng	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	25/04/2015	15	100%
6	Ông Nguyễn Tất Trường	Thành viên HĐQT	19/6/2018	15	100%
7	Ông Phan Thanh Sang	Thành viên HĐQT	Tham gia HĐQT ngày 26/01/2019; Miễn nhiệm ngày 06/06/2020	Ủy quyền tham dự họp cho cá nhân khác.	

### 3.2. Thù lao HĐQT – Chi phí hoạt động của HĐQT:

Việc chi trả lương, thù lao của HĐQT tuân thủ theo đúng mức đã được ĐHCĐ thông qua (Chi tiết theo tờ trình về việc thông qua mức thù lao cho HĐQT và BKS năm 2020 và đề xuất mức thù lao cho năm 2021). Tổng mức chi trả lương, thù lao của HĐQT và tiểu ban thư ký năm 2020: 3,81 tỷ đồng.

## 4. Đánh giá Kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT

### 4.1. Đánh giá chung

- Trong năm 2020, HĐQT đã hoạt động tích cực, tuân thủ các quy định chung đối với hoạt động của HĐQT, chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban điều hành trong việc tổ chức, điều hành thực hiện các mục tiêu và kế hoạch đã đề ra.
- Quản lý và vận hành Tổng Công ty theo những thông lệ quản trị tốt nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan.
- Đảm bảo việc sử dụng dòng tiền hợp lý cho các hoạt động SXKD và đầu tư để không làm tổn hại lợi ích của cổ đông và các bên liên quan.
- Các chế độ, chính sách đối với người lao động đã được Tổng Công ty thực hiện tốt tạo được niềm tin của người lao động đối với Tổng Công ty.

### 4.2. Đánh giá kết quả từng thành viên

Thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến bằng văn bản với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.

Bên cạnh việc hoàn thành các trách nhiệm chung của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo sự phân công, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty trong việc triệu tập, tổ chức các chương trình công tác năm, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên, tổ chức họp, lấy ý kiến



bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết đúng quy định của pháp luật, đảm bảo kịp thời trong công tác chỉ đạo, ban hành các quyết sách quan trọng tại Tổng Công ty.

- Thành viên HĐQT chuyên trách hoàn thành nhiệm vụ theo phân công của HĐQT, kiểm soát tốt công tác công bố thông tin theo quy định và giám sát, đánh giá liên quan đến hoạt động của kiểm soát nội bộ Tổng công ty.

- Các thành viên HĐQT khác đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao, có những đóng góp sáng tạo, kịp thời đối với hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT, góp phần hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh năm 2020.

## **5. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành**

### **5.1. Phương pháp giám sát:**

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty, các Quy định, Quy chế quản lý nội bộ và Pháp luật hiện hành, hoạt động giám sát của HĐQT gồm:

- Giám sát thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành.

- Giám sát và chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch và kịp thời đúng theo quy định.

- Giám sát hoạt động điều hành, quản lý của Ban Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và hành thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra.

- Việc tổ chức thực hiện các dự án do Công ty làm chủ đầu tư.

- Việc xây dựng nguồn nhân lực và tính hiệu quả của mô hình tổ chức.

### **5.2. Đánh giá**

Năm 2020, HĐQT đánh giá cao sự chủ động, linh hoạt, quyết tâm cao của Công ty và Ban điều hành trong việc tổ chức triển khai các phương án kinh doanh, đồng thời thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ giúp Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu, đi theo đúng chiến lược đề ra trước những diễn biến phức tạp và tác động tiêu cực của thiên tai, dịch Covid-19.

## **II. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2021**

### **1. Định hướng - Nhiệm vụ trọng tâm năm 2021**

- Nâng cao công tác thực hành quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất tại Việt Nam dành cho công ty đại chúng.

- Hướng mọi hoạt động đảm bảo “Công nghệ nhất - Thông minh nhất - Chất lượng nhất - Hiệu quả nhất”; Duy trì và làm tốt “Con người - Quy trình - Công nghệ - Quản trị” với phương châm hành động “Bền trong - Vững ngoài”.

- Nâng cao hình ảnh thương hiệu và trải nghiệm khách hàng.

- Chuyển đổi số đạt 3.5 - 4.5 điểm (Theo thang điểm của TMForum).



**2. Các chỉ tiêu SXKD chính năm 2021 (Số liệu hợp nhất)**

- Tổng doanh thu: 6.600 tỷ đồng tăng trưởng 3,4% so với năm 2020.
- Lợi nhuận trước thuế: 350,6 tỷ đồng, tăng trưởng 1,6% so với năm 2020.
- Lợi nhuận sau thuế: 275,8 tỷ đồng, tăng 0,6 % so với năm 2020.
- Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến: 10% - 20%.
- Trong đó: Tổng doanh thu của Công ty mẹ: 6.009 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ: 269,1 tỷ đồng; ROE đạt 24,4 %.

Năm 2020 được bắt đầu bằng khó khăn lớn từ dịch bệnh, tuy nhiên cũng là một năm Chúng ta tự hào vì qua những khó khăn lớn thì lại gặt hái được nhiều thành công hơn. Đây là kết quả của sự nỗ lực rất lớn từ Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV của Công ty.

Năm 2021 vẫn sẽ là một năm đầy thách thức với Công ty, với những kết quả đã đạt được cùng sự quyết tâm, đoàn kết, sáng tạo, Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng sẽ hoàn thành những kế hoạch, mục tiêu đề ra.

Trên đây là báo cáo của HĐQT, kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua./

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN**

C.T.C.P.

Số: 03/TTr-VCC-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2021

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**Về việc niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ vào tình hình thực tế tại Tổng công ty cổ phần Công trình Viettel.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt nội dung niêm yết cổ phiếu của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel (MCK: CTR), cụ thể như sau:

**I. Lý do đề xuất:**

- Việc niêm yết cổ phiếu là cơ hội để quảng bá hình ảnh, thương hiệu của Tổng Công ty, tạo sức hấp dẫn cho các đối tác và khách hàng của Tổng Công ty;
- Tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu CTR, tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông của Tổng Công ty giao dịch cổ phiếu trên thị trường;
- Niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán cũng tạo ra sức ép về quản trị, về minh bạch và hiệu quả trong hoạt động điều hành. Từ đó, cổ đông có thể dễ dàng tiếp cận các thông tin về hoạt động của Tổng Công ty cũng như thu hút các nhà đầu tư mới trong trường hợp Tổng Công ty muốn huy động thêm các nguồn vốn mới.

**II. Nội dung đề xuất Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch dự kiến chuyển sàn giao dịch từ UPCOM sang HOSE với các nội dung sau:

1. Hủy giao dịch cổ phiếu CTR trên sàn UPCOM thuộc sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và đăng ký niêm yết cổ phiếu CTR tại sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE):

- Tên cổ phiếu: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel
- Mã chứng khoán: CTR
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu đăng ký hủy giao dịch: Toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành và đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM



- Số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết tại HOSE: Toàn bộ cổ phiếu đã phát hành của Tổng công ty tại thời điểm niêm yết.

2. Giao cho HĐQT quyết định:

- a. Thời gian thực hiện: HĐQT chủ động lựa chọn thời điểm thích hợp trong năm 2021 - 2022 để hoàn tất niêm yết, phù hợp với tình hình thị trường chứng khoán và điều kiện thực tế;
- b. Quyết định giá niêm yết.
- c. Quyết định lựa chọn đơn vị tư vấn niêm yết chứng khoán.
- d. Quyết định và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến thủ tục, hồ sơ, trình tự đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán và các thủ tục khác có liên quan với Cơ quan Nhà nước.
- e. Chủ động quyết định điều chỉnh Điều lệ, Quy chế quản lý nội bộ trong trường hợp cần thiết và theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc niêm yết cổ phiếu và HĐQT báo cáo lại ĐHCĐ vào thời điểm gần nhất.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua./.



**NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN**



Số: 04/BC-VCC-KH

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty CP Công trình Viettel

**I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2020**

**1. Tổng quan về môi trường kinh doanh năm 2020:**

Năm 2020, toàn thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề từ dịch Covid –19, tăng trưởng kinh tế thế giới chậm lại, nhiều quốc gia trên thế giới tăng trưởng âm. Việt Nam là một trong ít quốc gia duy trì được mức tăng trưởng dương, GDP năm 2020 đạt 2,91% (năm 2019 là 7,02%).

Cơ chế khuyến khích phát triển điện năng lượng mặt trời ở Việt Nam có hiệu lực từ tháng 5/2020 đã tạo điều kiện cho Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel (Công ty) đẩy mạnh triển khai cung cấp các giải pháp về nguồn năng lượng sạch cho doanh nghiệp và người dân. Tính đến hết ngày 31/12/2020, tổng công suất lắp đặt về điện mặt trời trên cả nước đã đạt khoảng 16.500 MWp, chiếm khoảng 25% tổng công suất lắp đặt nguồn điện của hệ thống điện quốc gia. Trong đó, có khoảng 8.000 MWp là điện mặt trời mái nhà và hơn 8.400 MWp điện mặt trời trang trại lớn.

Chủ trương cổ phần hóa Mobifone, VNPT trong năm 2020 chưa được thực hiện; Việc tăng cường dùng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo chỉ thị 52/CT-BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành chưa là quy định bắt buộc đối với các doanh nghiệp viễn thông.

Xây lắp mới hạ tầng viễn thông trong nước tiếp tục giảm và chỉ tập trung phát triển các trạm nhỏ (RRU, Smallcell), các nhà mạng tập trung vào bảo dưỡng, duy trì hạ tầng mạng lưới, chưa thương mại hóa mạng 5G.

Tình hình bão lũ xảy ra liên tục trong các tháng cuối năm với 13 cơn bão mà chỉ riêng tháng 9,10 đã xảy ra 10 cơn bão và 3 trận lũ lụt nghiêm trọng tại các tỉnh miền Trung ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD).

**2. Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch**

**- Chỉ tiêu trên số liệu hợp nhất:**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

TT	Tên chỉ tiêu	TH 2019	TH 2020			So với 2019	
			KH	TH	%KH	Δ	%Δ
1	Tổng doanh thu	5.141	6.000	6.380	106%	1.240	24%
2	Lợi nhuận trước thuế	240	254	345	136%	105	44%
3	Lợi nhuận sau thuế	189	199	274	138%	85	45%
4	Tổng tài sản	2.443	2.892	3.879	134%	1.435	59%
5	Vốn chủ sở hữu	867	919	1.061	115%	194	22%

*(Số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán)*

**- Chỉ tiêu trên số liệu công ty mẹ:**

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tên chỉ tiêu	TH 2019	TH 2020			So với 2019	
			KH	TH	%KH	Δ	%Δ
1	Tổng doanh thu	4.891	5.154	6.033	117%	1.143	23%
2	Lợi nhuận trước thuế	243	240	333	139%	90	37%
3	Lợi nhuận sau thuế	197	191	269	141%	72	37%
4	ROE	25%	21%	28%	135%	4%	14%

- **Chỉ tiêu về hiệu quả tài chính: Tình hình tài chính công ty an toàn, kinh doanh hiệu quả.**

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	Tăng/giảm so 2019
1	Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán				
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,4	1,1	-19%
	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,1	0,9	-24%
2	Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn				
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,6	0,7	13%
	- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,8	2,7	46%
	- Hệ số Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	Lần	0,4	0,3	-23%
3	Chỉ tiêu về Năng lực hoạt động				
	- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	11,5	11,0	-4%
	- Vòng quay các khoản phải thu	Lần	6,8	7,2	7%
	- Vòng quay các khoản phải trả	Lần	3,0	2,8	-7%
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,1	1,6	-21%
4	Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời				
	- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	3,7%	4,3%	16%
	- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	23,0%	28,4%	24%
	- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	7,9%	8,7%	9%

### 3. Đánh giá các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 3.1. Những mặt đạt được

- Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều hoàn thành kế hoạch năm 2020 và tăng trưởng cao so với thực hiện năm 2019; 4/4 lĩnh vực kinh doanh đều có tăng trưởng so với năm 2019.

- Các chỉ số tài chính đạt kế hoạch, đảm bảo ở mức an toàn (Dòng tiền cho hoạt động SXKD dương 163,5 tỷ (~ 15,4% vốn chủ sở hữu); Vốn chủ sở hữu tăng

từ 867 tỷ lên 1.061 tỷ; Ngày tồn kho bình quân là 31,5 ngày; Ngày thu tiền bình quân giảm từ 54 ngày xuống 50 ngày; Hệ số nợ/tổng tài sản 0,73 lần).

- Lĩnh vực Vận hành khai thác (VHKT): Tiếp tục duy trì tốt công tác VHKT mạng lưới trong nước, 6 KPIs chính đạt và tốt hơn target từ 13,3% đến 53,9%; Năng suất lao động nhân viên nhà trạm tăng 7,5% so với 2019; Năng suất lao động nhân viên dây máy tăng 13,5% so với 2019. Trong năm 2020 đã VHKT 22/22 tỉnh Metfone, 11/15 tỉnh Mytel, 1.500 km cáp quang cho Bộ Công an, 970 km cáp quang cho CMC Telecom, 165 trạm cho TowerCo NTD tại Myanmar. Doanh thu đạt 3.369 tỷ tăng trưởng 13,6% so TH năm 2019.

- Lĩnh vực Xây dựng: Hoạt động xây lắp đi vào chuyên nghiệp với việc vận hành theo quy trình, đánh giá dựa trên KPIs, quản lý công việc và năng suất lao động hàng ngày của lực lượng tuyến đầu qua phần mềm (phần mềm xây lắp, giao work order); Luôn đảm bảo tiến độ các công trình triển khai hàng tháng với Tổng Công ty Mạng lưới Viettel (VNet) (phát sóng, cột bao,...); Hoạt động xây lắp ngoài Tập đoàn được đẩy mạnh, năng lực tổ chức triển khai thi công các công trình xây lắp ngoài Tập đoàn được nâng cao, tự tổ chức triển khai thi công tốt các công trình xây dựng dân dụng cho Tập đoàn FLC, MobiFone, Đèo Cả, ... đảm bảo chất lượng và tiến độ cam kết với chủ đầu tư. Mở rộng hợp tác với nhiều đối tác lớn như Viettracimex, VFI, Minh Linh, MobiFone Global,... Doanh thu đạt 1.615 tỷ tăng trưởng 5,4% so với TH năm 2019.

- Lĩnh vực Giải pháp tích hợp, thương mại: đã phát triển tốt với 4 Business units (BU) chính (Energy, Mechanic & Engineer (M&E), ICT (Information & Communication Technology), Smart solution). Trong năm 2020 đã mở rộng, đa dạng các gói sản phẩm, đồng thời tăng cường hợp tác với các công ty lớn, uy tín, thương hiệu thế giới (Daikin, Tuya, Dahua, Huawei, DAT Tech, EVN, HDBank,...) đảm bảo chất lượng hàng hóa, hợp tác tạo giá trị dựa trên thế mạnh của nhau. Doanh thu đạt 1.225 tỷ, tăng trưởng 213% so TH năm 2019.

- Lĩnh vực Đầu tư hạ tầng cho thuê: dần đi vào ổn định với 4 sản phẩm (Trạm BTS; Hạ tầng phủ sóng di động tòa nhà (DAS); Hạ tầng cố định băng rộng (CDBR) tòa nhà, ngầm hóa; Đầu tư hệ thống pin năng lượng mặt trời), tổng đầu tư cho xây dựng hạ tầng cho thuê năm 2020 là 326,1 tỷ. Hết 2020 đã sở hữu 1.015 trạm BTS; 1,6 triệu m<sup>2</sup> DAS; 2.465 km cáp quang; 7,8 km cống bê; 45 hệ thống điện năng lượng mặt trời với tổng công suất 17,145 MWp. Doanh thu đạt 65,3 tỷ ~ 43,3%KH, tăng trưởng 657% so TH năm 2019.

- Hoàn thành cấp chứng nhận ISO 45001:2018 về hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp toàn TCT; Xây dựng hệ thống quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27001:2013 đảm bảo lộ trình được cấp chứng nhận ISO trong Quý I/2021; Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro (QTRR) hiệu quả theo chuẩn mực và thông lệ tốt. Hoàn thiện quy trình CRM (Customer Relationship Management) của TCT; Phân tích quy trình nghiệp vụ và thiết kế các chức năng hệ thống CRM.

- Chuyển đổi số (CĐS) mạnh mẽ, toàn diện đã tạo nền tảng về con người, quy trình, công nghệ, quản trị thúc đẩy hoạt động SXKD, dần hiện thực các mục tiêu chuyển dịch kinh doanh ra ngoài Tập đoàn, nâng cao năng suất, hiệu quả SXKD. Sau 6 tháng triển khai, điểm CĐS đã tăng từ 2,1/5 điểm lên 3,2/5 điểm (thang 5 điểm theo TM Forum). Đưa vào sử dụng hệ thống BI & DW (Business Intelligence & Data Warehouse) nhằm số hóa dữ liệu, số hóa hệ thống báo cáo

đảm bảo trực quan, hỗ trợ cho các đơn vị trong việc kiểm soát, điều hành hoạt động SXKD.

- Hoạt động nghiên cứu công nghệ được đẩy mạnh: Xây dựng chức năng, bổ sung nguồn lực cho bộ phận nghiên cứu công nghệ; Năm 2020 đã thực hiện hơn 30 buổi hội thảo công nghệ, nghiên cứu, thử nghiệm hệ thống home controller (dự kiến đưa vào kinh doanh từ Quý II/2021), Smart city (xây dựng khung tri thức công nghệ, thiết kế mẫu, thuyết trình với đối tác CityLand Group), lĩnh vực năng lượng mặt trời, xây dựng dân dụng công nghệ cao.

### 3.2. Những nguy cơ, điểm cần cải thiện

- Chưa hoàn thành chỉ tiêu doanh thu của lĩnh vực đầu tư hạ tầng cho thuê (đạt 65,3 tỷ ~ hoàn thành 43,3% kế hoạch năm).

- Việc mở rộng VHKT nước ngoài không đạt mục tiêu kế hoạch (Lào, Peru: không triển khai; Myanmar: tiếp nhận VHKT được 11/14 Tỉnh ~ 78% kế hoạch năm; Campuchia: tháng 10/2020 mới bắt đầu tiếp nhận VHKT 22/22 tỉnh (theo kế hoạch năm 2020 tiếp nhận 100% từ Quý I).

## II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

### 1. Dự báo về môi trường kinh doanh

- Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2021 được dự báo sẽ tăng trưởng tốt trở lại, mục tiêu GDP tăng trưởng 6% năm 2021. Tình hình kinh tế tiếp tục cải thiện, đời sống và nhu cầu của người dân tiếp tục được nâng cao. Do đó, các nhu cầu và yêu cầu đối với sản phẩm, giải pháp và chất lượng dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin tiếp tục được mở rộng cho cả phân khúc khách hàng doanh nghiệp lẫn khách hàng cá nhân, hộ gia đình.

- Các chính sách của cơ quan nhà nước dự kiến có nhiều thay đổi: Bộ Công thương sẽ điều chỉnh cơ chế giá điện cố định theo Quyết định 13/2020/QĐ-TTg năm 2020 (giá FIT 2); Bộ TT&TT sẽ bổ sung nhiều băng tần để các doanh nghiệp tham gia đấu giá, bổ sung tài nguyên cho mạng 4G, thương mại hóa mạng 5G.

- Chính phủ gia tăng đầu tư công nhằm phát triển cơ sở hạ tầng, kết hợp đấu thầu sử dụng các nhà thầu trong nước là cơ hội cho Công ty tham gia mạnh hơn vào các hoạt động xây lắp, cơ điện, năng lượng.

- Năm 2021 Viettel tiếp tục đặt mục tiêu cao, đẩy mạnh phát triển các lĩnh vực giải pháp công nghệ thông tin, thanh toán số, doanh thu dịch vụ mới, doanh thu ngoài Viettel theo chiến lược 5 năm của các đơn vị.

- Diễn biến thời tiết bất thường những năm gần đây (mưa bão, lũ lụt xảy ra liên tiếp, trái mùa,...) và dịch bệnh (covid 19) còn tiếp tục diễn biến phức tạp.

- Công ty đã xây dựng mô hình tổ chức theo 6 trung tâm kinh doanh chính để mở rộng các ngành nghề mới như công nghệ thông tin, xây dựng dân dụng, hạ tầng cho thuê trong bối cảnh các ngành nghề truyền thống ngày càng bị thu hẹp.

### 2. Một số định hướng kinh doanh năm 2021:

Năm 2021, Công ty đã xây dựng kế hoạch nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả và hiện thực hóa mục tiêu theo định hướng chiến lược giai đoạn 2021-2025, trong đó tập trung vào các nội dung trọng điểm sau:

- **Khẩu hiệu hành động:** “Bền trong - Vững ngoài” trên cơ sở giải pháp về kinh doanh là Kênh bán - Kênh triển khai - Kênh kiểm soát và giải pháp xuyên suốt về Con người - Quy trình - Công nghệ - Quản trị.

+ Bền trong: Làm tốt việc trong Viettel; Xây dựng đơn vị phát triển bền vững.



+ Vững ngoài: Đẩy mạnh kinh doanh ngoài Viettel, thị trường nước ngoài.

- **Hoạt động SXKD theo 6 trụ chính:**

+ Xây dựng (trong Tập đoàn và xây dựng dân dụng B2C)

+ Vận hành khai thác

+ Giải pháp tích hợp

+ Xây dựng dân dụng B2B

+ Đầu tư hạ tầng

+ Công nghệ thông tin

- **Sản phẩm:** Đẩy mạnh kinh doanh các giải pháp thông minh, tạo giá trị cho xã hội: Smart home, smart city, năng lượng tái tạo, home care, Solar care, IT support, Giải pháp CNTT quản trị riêng cho từng doanh nghiệp.

### 3. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

#### 3.1. Chỉ tiêu hợp nhất

TT	Chỉ tiêu hợp nhất	TH 2020	KH 2021	So với 2020	
				$\Delta$	% $\Delta$
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính</b>				
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	6.380	6.600	220	3,4%
2	Tổng chi phí (tỷ đồng)	6.035	6.249	214	3,5%
3	LNTT (tỷ đồng)	345	351	6	1,7%
4	LNST (tỷ đồng)	274	276	2	0,6%
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu hiệu quả</b>				
1	ROA (%)	8,7%	5,8%	-3%	-33%
2	ROE (%)	28,4%	24,8%	-4%	-12%

#### 3.2. Chỉ tiêu công ty mẹ

TT	Chỉ tiêu công ty mẹ	TH 2020	KH 2021	So với 2020	
				$\Delta$	% $\Delta$
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)</b>				
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	6.033	6.010	-24	0%
2	Tổng chi phí (tỷ đồng)	5.700	5.673	-27	0%
3	LNTT (tỷ đồng)	333	337	4	1%
4	LNST (tỷ đồng)	269	269	0	0%
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu hiệu quả (%)</b>				
1	ROA	9,0%	6,7%	-2%	-26%
2	ROE	28,3%	24,4%	-4%	-14%

### 4. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2021:

#### 4.1. Vận hành khai thác

✓ **VHKT nước ngoài:**

- Metfone: Đảm bảo chất lượng VHKT theo điều khoản hợp đồng.

- Mytel: Tiếp nhận 100% ~ 15/15 Tỉnh. Đảm bảo duy trì ổn định công tác

VHKT tại thị trường sau OS.

✓ **VHKT ngoài Tập đoàn**

- Tiếp tục mở rộng hợp tác với các đối tác truyền thống (CMC Telecom, Mobifone, Bộ Công an) lĩnh vực fiber/tower care.
- Đẩy mạnh kinh doanh với nhóm dịch vụ solar care, home care.
- Doanh thu 2021 đạt 141,05 tỷ

#### 4.2. Xây dựng (trong Tập đoàn, ngoài Tập đoàn B2B và B2C)

- Xây dựng trong Tập đoàn: Đảm bảo tiến độ phát sóng trạm, củng cố hạ tầng mạng lưới cho VNet; Doanh thu đạt 543,00 tỷ.
- Xây dựng ngoài Tập đoàn: Đẩy mạnh hoạt động xây dựng ngoài Tập đoàn, tập trung vào các công trình xây dựng dân dụng, giao thông, hạ tầng kỹ thuật; Doanh thu đạt 755,74 tỷ.

#### 4.3. Đầu tư hạ tầng cho thuê

- Đầu tư các sản phẩm: Năng lượng, BTS, DAS, ngầm hóa
- Nghiên cứu đề xuất triển khai 1-2 sản phẩm mới.
- Tiếp tục bám nắm thực hiện chủ trương mua lại hạ tầng của Viettel cũng như đầu tư cho Viettel thuê hệ thống nguồn của các trạm BTS.
- Doanh thu đạt 200 tỷ năm 2021.

#### 4.4. Giải pháp tích hợp:

- Tiếp tục mở rộng phạm vi, đa dạng sản phẩm trong các lĩnh vực năng lượng, cơ điện, ICT, smart solution; Doanh thu đạt 667,1 tỷ năm 2021.

### III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

**Tổng công ty xác định tập trung thực hiện các giải pháp sau:**

#### 1. Con người, quy trình, công nghệ, quản trị:

##### - Con người:

+ Tăng cường tuyển nhân sự Key, lao động chất lượng cao, có NSLĐ cao; nhân sự có chứng chỉ quốc tế, chứng chỉ bắt buộc để nâng tầm, tạo lợi thế cạnh tranh khi kinh doanh ngoài. Tăng tỷ lệ đại học, cao đẳng chiếm 80% tổng nhân sự (tăng 5% so với năm 2020).

+ Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:

- Tổ chức đào tạo CBQL cấp trực tiếp và đào tạo nguồn CBQL các cấp: 100% GD Cụm/huyện được đào tạo, đào tạo nguồn CBQL các cấp theo tỷ lệ 1:1.
- Xây dựng hệ thống bài giảng điện tử về chuyên môn nghiệp vụ cho tất cả lực lượng liên quan của các trụ kinh doanh.

+ Dự án Lean six sigma: Đào tạo 63 Champion, 63 green belt, 100% GD cụm/huyện được đào tạo yellow belt.

##### - Quy trình, công nghệ:

+ Đánh giá, cấp chứng nhận tiêu chuẩn ISO:

- ISO 20000-1:2018 về quản lý chất lượng dịch vụ CNTT.
- ISO 9001:2015 về hệ thống quản lý chất lượng.
- ISO 55001:2014 về quản lý tài sản.
- ISO 27001: 2013 về hệ thống quản lý an toàn thông tin.
- ISO 31000: 2018 về quản trị rủi ro.
- ISO 10002:2015 về QLCL – sự thỏa mãn của khách hàng.

+ Triển khai ứng dụng mô hình thông tin công trình BIM vào hoạt động xây dựng của Công ty.

+ Đẩy mạnh Kaizen, 5S (công nhận 80 giải pháp, làm lợi 30 tỷ đồng); Triển khai 4 dự án Lean Six Sigma Green Belt, mục tiêu tiết kiệm 80 tỷ đồng.

1047  
 VG CÔ  
 Ô PH  
 VG TF  
 ETT  
 H- TP.

+ Đạt mục tiêu chuyển đổi số level 3,5-4,5 theo TMForum; Tiếp tục triển khai giai đoạn 2 dự án xây dựng BI-DW; Hoàn thành triển khai ứng dụng CRM (customer relationship management), tool collaboration tương tác các nhiệm vụ trong Công ty, Super App của Công ty.

+ Phát triển tính năng điều khiển giọng nói, thương mại hóa đưa vào kinh doanh home controller; Triển khai thử nghiệm ứng dụng 1-2 phân hệ SmartCity cho 1 khu đô thị.

+ Nghiên cứu hạ tầng thụ động, nguồn 5G, năng lượng gió.

+ Tiếp tục đầu tư công cụ, dụng cụ, phương tiện cho SXKD (dự kiến 175 tỷ).

- **Quản trị:**

+ Quản trị theo thông lệ tốt nhất với công ty đại chúng; Chuẩn bị niêm yết cổ phiếu trên sàn HOSE.

+ Áp dụng triệt để KPI BSC trong hoạt động vận hành của Công ty.

+ Tỷ lệ SOC đạt 12,50; tăng 0,1% với thực hiện năm 2020.

**2. Kênh bán, kênh triển khai, kênh kiểm soát chất lượng:**

**Có 3 key kinh doanh xuyên suốt trong hoạt động:**

- **Kênh bán:** Kênh bán: Phát triển mạng lưới kênh bán rộng khắp 63 tỉnh/Tp, duy trì 12.000 CTV hết năm 2021; đẩy mạnh hoạt động bán hàng trên nền tảng digital.

- **Kênh triển khai:** Xây dựng nhân sự nội bộ Công ty làm nòng cốt dẫn dắt lực lượng out source; Đào tạo cấp chứng chỉ cho lực lượng outsource trước khi triển khai công việc..

- **Kênh kiểm soát:** Tập trung kiểm soát qua KPI, hình ảnh báo cáo kết quả công việc và đánh giá của khách hàng khi triển khai, cung cấp sản phẩm, dịch vụ.

**3. Giải pháp đối với từng lĩnh vực**

✓ **Vận hành khai thác**

- Truyền thông, quán triệt, kiểm tra nhận thức “Làm tốt trong, đẩy mạnh ngoài” cho lực lượng kỹ thuật, lấy việc duy trì tốt hoạt động VHKT trong Tập đoàn làm trọng tâm để đảm bảo nguồn lực mở rộng không gian VHKT ra bên ngoài.

- Tiếp tục thực hiện triệt để quan điểm “phòng” trong hoạt động VHKT tại Việt Nam, cũng như các thị trường nước ngoài. Kịp thời phát hiện các tồn tại của hạ tầng mạng lưới, thống nhất với chủ đầu tư kế hoạch củng cố và theo dõi đến cùng quá trình khắc phục. Tăng cường kiểm tra, chủ động phát hiện lỗi (dựa trên công cụ công nghệ thông tin) và áp dụng nghiêm chế tài xử lý, kỷ luật các trường hợp vi phạm lặp lại, không làm thật; tiếp tục tối ưu tác vụ, nâng cao năng suất nhân viên kỹ thuật.

- Xây dựng hình ảnh con người làm VHKT chuyên nghiệp về kỹ năng và tác phong làm việc, đặc biệt trong kinh doanh dịch vụ VHKT ngoài Tập đoàn.

✓ **Xây dựng:**

- Lấy lực lượng nhân viên xây lắp Công ty làm nòng cốt để tổ chức theo hình thức đội trưởng thi công, giám sát đảm bảo tiến độ, chất lượng (100% nhân sự thuê ngoài được quy hoạch, đào tạo, cấp chứng chỉ trước khi triển khai công việc).

- Tiếp tục đánh giá, quy hoạch hệ sinh thái các đối tác (cung cấp vật tư thiết bị, thầu phụ) có chất lượng để đi cùng Công ty trong hoạt động xây lắp lâu dài.



- Tăng cường kiểm soát (bằng hình ảnh qua công cụ phần mềm, camera giám sát (với công trình B2B)) việc thực hiện nhiệm vụ đảm bảo tiến độ, chất lượng, tuân thủ theo quy trình, KPIs đã ban hành, thực hiện quan điểm làm đến đâu quyết toán dứt điểm đến đó.

✓ **Đầu tư hạ tầng cho thuê:**

- Đẩy mạnh tiếp xúc với các đối tác ngoài để tìm kiếm thêm khách hàng, tránh phụ thuộc vào một khách hàng chính và tạo điều kiện để tăng tỷ lệ cho thuê.

- Nghiên cứu mở rộng phạm vi, bổ sung các sản phẩm hạ tầng cho thuê mới (từ 1-2 sản phẩm).

- Tập trung đầu tư hạ tầng DAS, trạm BTS cho chính các đối tác B2B về xây dựng dân dụng, Tổng công ty đang hợp tác và rà soát lựa chọn các vị trí có tính chất bắt buộc nhà mạng phải thuê hạ tầng để đảm bảo chất lượng mạng, hình ảnh để tăng tỷ lệ dùng chung, tăng hiệu quả.

- Công ty rà soát, ký kết với VNet số lượng, danh sách các trạm BTS đầu tư năm 2021 để chủ động về pháp lý cho các Chi nhánh kỹ thuật đẩy mạnh triển khai.

✓ **Giải pháp tích hợp:**

- Triển khai giải pháp nông thôn mới cho sản phẩm đèn năng lượng mặt trời, giải pháp camera an ninh xã hội hóa đến 1.000 xã trên toàn quốc.

- Đẩy mạnh hoạt động hợp tác với các đơn vị trong, ngoài Tập đoàn để mở rộng phạm vi, sản phẩm kinh doanh, định hướng Công ty làm turnkey DAT Tech, Huawei, Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN), Samsung,...

✓ **Công nghệ thông tin:**

- Lựa chọn sản phẩm Top 3 thị trường để đưa vào kinh doanh (Việt hóa, dữ liệu lưu tại Việt Nam, đáp ứng đủ nhu cầu khách hàng, cam kết update lâu dài).

- Tập trung vào đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, xây dựng tập khách hàng với doanh thu duy trì đều hàng tháng.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua./.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHẠM ĐÌNH TRƯỜNG**

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**Về việc chấp thuận Hợp đồng, giao dịch**  
**với Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận về việc Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel ký kết các Hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn Viettel”). Cụ thể như sau:

**I. Báo cáo kết quả ký hợp đồng năm 2020 và 2021**

Được sự đồng ý của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, theo Tờ trình số 04/TTr-VCC-HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty đã ký các hợp đồng với Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội. Cụ thể như sau:

**1. Các hợp đồng đã ký**

Tổng giám đốc đã ký 02 hợp đồng thực hiện nội dung vận hành khai thác và ứng cứu thông tin năm 2020:

- Hợp đồng số 2812.01-DTTS/VTT-CÔNG TY/2019 về cung cấp dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin dịch vụ viễn thông. Giá trị hợp đồng: 1.648 tỷ đồng.

- Hợp đồng số 2812.02-DTTS/VTT-CÔNG TY/2019 về Hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng cố định băng rộng. Giá trị hợp đồng: 1.732 tỷ đồng.

Để đảm bảo việc kinh doanh được liên tục, và được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ, Tổng Giám đốc đã ký 01 hợp đồng thực hiện nội dung vận hành khai thác và ứng cứu thông tin năm 2021 với giá trị không vượt 10% giá trị hợp đồng năm 2020:

- Hợp đồng số: 2812.01- ĐTTS/VTT-VCC/2020 ký ngày 28/12/2020 về việc cung cấp dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin dịch vụ viễn thông, giá trị hợp đồng 1.703 tỷ đồng, tăng 3,36% so với năm 2020. Các nội dung chính trong hợp đồng này tương đồng so với năm 2020 và không có nội dung nào gây bất lợi cho Tổng công ty và cổ đông.

Ngoài ra, HĐQT đã phê duyệt thông qua chủ trương cho phép Tổng giám đốc ký các hợp đồng có tính chất thường xuyên với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội trong năm 2020. Tổng số các hợp đồng là 2.016 hợp đồng, với tổng giá trị 1.903 tỷ đồng (danh mục HĐ được đăng tải trên website Tổng công ty).

**2. Lợi nhuận, giá trị đem lại cho Tổng Công ty**



Hai hợp đồng vận hành khai thác năm 2020, đã mang lại cho Tổng công ty 3.183 tỷ đồng doanh thu năm 2020 chiếm 53% doanh thu của Công ty mẹ và 160 tỷ đồng lợi nhuận gộp chiếm 36% lợi nhuận gộp của Công ty mẹ.

Mở rộng ra các hợp đồng giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội mang lại doanh thu chiếm 71% tổng doanh thu của Tổng công ty năm 2020, qua đó giúp đảm bảo kế hoạch kinh doanh, đảm bảo nguồn việc và thu nhập cho gần 10.000 CBNV.

## II. Đề xuất Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng ký với Tập đoàn công nghiệp – viễn thông quân đội năm 2021 và năm 2022

1. Xin ý kiến chấp thuận của ĐHĐCĐ về Hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng cố định băng rộng năm 2021 - Tổng giá trị Hợp đồng tạm tính năm 2021: 2.162.976.806.883 đồng.

2. Xin ý kiến của ĐHĐCĐ về việc chấp thuận việc ký kết các Hợp đồng trong năm 2022

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc cho phép người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty ký hợp đồng cho năm 2022 với nội dung, phạm vi công việc tương tự mà giá trị ước tính của hợp đồng không vượt quá 35% giá trị hợp đồng năm 2021 và nội dung không có những thay đổi bất lợi hơn cho Tổng Công ty theo nội dung Hợp đồng năm 2021 nêu trên (trong trường hợp Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel trúng thầu). Người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm báo cáo, giải trình về nội dung chủ yếu của Hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất sau khi ký kết.

Đồng thời HĐQT đề nghị ĐHĐCĐ đồng ý cho phép việc HĐQT thông qua các giao dịch, hợp đồng kinh tế mang tính chất thường xuyên, liên tục với cổ đông Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội có giá trị dưới 35% giá trị tài sản của Tổng công ty do việc phải tổ chức ĐHĐCĐ để thông qua từng hợp đồng là bất khả thi. Sau đó HĐQT có trách nhiệm báo cáo về việc ký kết và thực hiện các hợp đồng trên tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất.



**NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN**

Số: 06/BC-VCC-BKS

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2021

**BÁO CÁO**  
**CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020**  
**VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông - Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 và các văn bản có liên quan;  
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty;  
Căn cứ Quy chế hoạt động và chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.  
Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 như sau:

**PHẦN I: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020**

**I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

**1. Đánh giá chung kết quả hoạt động năm 2020**

**a) Tổ chức bộ máy và điều hành**

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2020-2025) được bổ nhiệm theo Nghị quyết số 060602/NQ-VCC-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2020; có 03 thành viên chuyên trách, cụ thể như sau:

Một: Ông: **Ngô Quang Tuệ** - Cử nhân tài chính - Trưởng ban  
Hai: Ông: **Phạm Hồng Quân** - Thạc sỹ kế toán - Kiểm soát viên  
Ba: Bà: **Mai Thị Anh** - Cử nhân kế toán - Kiểm soát viên

- Tổ chức họp: 06 cuộc họp, nội dung chủ yếu lập, triển khai kế hoạch, làm chuyên đề, phân công, giao đánh giá kết quả thực hiện.

- Điều hành: phân công, giao nhiệm vụ theo chuyên môn, lĩnh vực, chuyên đề; cách làm phân tích sâu, tìm gốc vấn đề cảnh báo rủi ro và đề xuất giải pháp.

- Mục tiêu: giảm thiểu rủi ro, hiệu quả, tuân thủ và thượng tôn Pháp luật.

- Hiệu quả: phát hiện vấn đề nhanh, phân tích sâu, cảnh báo kịp thời.

**b) Nội dung kết quả hoạt động**

Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ quy định trong Điều lệ và Quy chế:

- Tổ chức họp, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; lập, thông qua kế hoạch hoạt động gửi HĐQT/BĐH và xin ý kiến chỉ đạo từ Chủ sở hữu.

- Triển khai giám sát thực hiện theo Nghị quyết của HĐQT và Ban điều hành: kết quả kinh doanh, tài chính, tổ chức mô hình, pháp lý đầu tư và thực hiện tuân thủ pháp luật.

- Tham gia các cuộc họp HĐQT, báo cáo kết quả, đề xuất ý kiến; kết quả các ý kiến đều được cấp quản lý ghi nhận, chỉ đạo thực hiện.

- Thẩm định Báo cáo tài chính riêng, họp nhất trước và sau kiểm toán quý/6 tháng/năm nhằm đánh giá bức tranh kinh doanh, tài chính thông qua các chỉ số hoạt động, hiệu quả và tài chính.

- Tham gia đóng góp ý kiến, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các dự thảo quy chế, quy định của đơn vị; đề xuất các ý kiến phục vụ công tác quản trị quản lý công nợ, dự án.

- Tổ chức giám sát 05 chuyên đề: (1) *mua sắm, hồ sơ pháp lý lựa chọn nhà thầu; nghiệm thu quyết toán,..*); (2) *Quản lý công nợ phải thu và phải trả*; (3) *Hoàn công các dự án đầu tư thuộc hạ tầng cho thuê*; (4) *thanh toán chi phí đối với các hợp đồng có giá trị thanh toán lớn từ 20 triệu đồng*; (5) *quản lý hàng tồn kho*.

- Tổ chức đi kiểm tra tình hình kinh doanh, tài chính tại 06 đơn vị tỉnh/tp.

- Giám sát hoạt động công bố thông tin và các hợp đồng với các bên liên quan và đi thực tế tại các Chi nhánh Viettel tỉnh/tp cùng Ban TGD.

- Nâng cao hoạt động phân tích chuyên sâu: *quản trị tài chính, rủi ro; thẩm định báo cáo tài chính và đầu tư dự án; tìm hiểu pháp luật hiện hành*.

## **2. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên trong Ban kiểm soát**

Cơ sở đánh giá: Kế hoạch và phân công nhiệm vụ, đánh giá như sau:

**a) Đồng chí:** Ngô Quang Tuệ - Trưởng ban kiểm soát:

+ Thực hiện tốt công việc của Trưởng ban theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

+ Xây dựng và điều hành thực hiện kế hoạch năm, quý, tháng của Ban kiểm soát;

+ Phân công giao việc, đánh giá hoàn thành công việc của từng thành viên;

+ Giám sát hoạt động của HĐQT/BĐH; thẩm định báo cáo tài chính trước và sau kiểm toán; tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp của BĐH Tháng/Quý/Năm.

+ Chủ trì và kết luận các nội dung giám sát: Hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư mua sắm; tính hiệu lực, tuân thủ quy định và hệ thống quản trị rủi ro;

+ Tổ chức giám sát chuyên đề: *Đầu tư, mua sắm thường xuyên; công nợ; ... tại khối cơ quan Tổng công ty và Chi nhánh kỹ thuật tỉnh/tp.*

**Hai là đồng chí:** Phạm Hồng Quân – Thành viên Ban kiểm soát

+ Giám sát chi tiết việc thực hiện các nội dung nghị quyết của ĐHCĐ.

+ Thẩm định Báo cáo tài chính công ty Mẹ và hợp nhất như: *cơ sở dữ liệu, cơ sở pháp lý lập báo cáo; đánh giá sức khỏe, bức tranh tài chính; hệ thống quản trị rủi ro....*

+ Giám sát tuân thủ quy định của Pháp luật và Tổng công ty; giám sát các chuyên đề: *dự án đầu tư hạ tầng cho thuê; công tác quản lý công nợ; giám sát thực hiện theo Ủy quyền thuộc thẩm quyền.*

**Ba là đồng chí:** Mai Thị Anh – Thành viên ban kiểm soát

+ Giám sát chi tiết việc thực hiện các nội dung nghị quyết của HĐQT.

+ Giám sát tình hình tài chính: đánh giá công tác quản lý công nợ phải thu, phải trả; công nợ vật tư, hàng hóa hàng tồn kho toàn Tổng công ty.

+ Giám sát việc tuân thủ.

+ Giám sát ban hành văn bản, hoạt động đầu tư, mua sắm của Tổng công ty.

\* **Đánh giá kết quả chung:** các thành viên chủ động trong công việc, hoạt động có nhiều ý kiến đóng góp cho HĐQT/BĐH trong các cuộc họp, hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.



3. **Hạn chế:** một số lĩnh vực chưa thực hiện giám sát phân tích sâu: Mô hình tổ chức, lao động tiền lương, công tác quản lý tài sản, chi phí khoán, do đó chưa phát huy được ưu thế trong hoạt động.

4. **Thù lao, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát**

Chi trả, nhận thù lao của Ban kiểm soát được thực hiện đúng định mức đã được ĐHCĐ thông qua năm 2020: 2,09 tỷ đồng.

## II. BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT

### 1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động của Tổng công ty

- Tổng công ty đã thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu theo đúng Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2020 và chiến lược giai đoạn (2018-2020), đảm bảo tốc độ tăng trưởng hai con số bền vững và bảo toàn vốn; tổng doanh thu tăng 106% so với kế hoạch, tăng 24% so với năm 2019; lợi nhuận sau thuế tăng 38% so với kế hoạch và tăng 45% so với năm 2019; dòng tiền ròng tăng 54% so với năm 2019, thu nhập bình quân/người tăng từ 21,9 triệu lên 25,5 triệu đồng/tháng và tăng 107% kế hoạch và tăng 16,9% so với năm 2019.

- Duy trì mức tăng trưởng ngành nghề truyền thống tốt, đặc biệt các ngành nghề mới, có tốc độ tăng trưởng doanh thu cao: *lĩnh vực Giải pháp tích hợp 1.225 tỷ đồng 213%/năm 2019 và tăng 267%/Kế hoạch 333 tỷ đồng; lĩnh vực đầu tư hạ tầng cho thuê các dự án mang lại doanh thu tăng so với 2019 là 57 tỷ đồng tăng 657%*. Ban điều hành đã đặc biệt chú trọng công tác chuyển đổi đưa số hóa vào trong các lĩnh vực quản lý.

- Công tác điều hành: Tổng giám đốc Ủy quyền, phân công nhiệm vụ chi tiết theo lĩnh vực chủ trì, phụ trách các đầu mối khối cơ quan và đơn vị Chi nhánh kỹ thuật Tỉnh/tp.

- Chiến lược giai đoạn (2021-2025), Tổng công ty đã xây dựng Tầm nhìn – Sứ mệnh - mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn: với tầm nhìn trở thành nhà đầu tư, vận hành, cung cấp công trình thông minh, hiệu quả cao nhất; sứ mệnh thúc đẩy cách mạng công nghiệp 4.0 đến doanh nghiệp và hộ gia đình; mục tiêu trở thành nhà đầu tư và cho thuê hạ tầng lớn hàng đầu trong nước, mở rộng cung cấp dịch vụ xây dựng, vận hành khai thác ngoài Tập đoàn và nước ngoài, phát triển giải pháp năng lượng sạch, cơ điện thông minh.

- Công tác điều hành và quản trị rủi ro: Ban TGD đã xây dựng quy chế và hệ thống quản trị rủi ro với 03 tuyến phòng vệ; đưa hệ thống cải tiến quy trình **Lean six sigma**; hệ thống **ISO 31000** về quản trị rủi ro và hệ thống **BI&DW** phân tích điều hành.

- Ứng dụng công nghệ cao toàn trình vào hoạt động kinh doanh trong đó công tác chuyển đổi số được ưu tiên với kết quả đạt từ 2,1 lên 3,2/5 điểm năm 2020; đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho 68.000 lượt CBNV, 29 cán bộ quản lý nguồn Giám đốc chi nhánh kỹ thuật và 423 Giám đốc cụm huyện; chất lượng cán bộ quản lý được nâng cao cả về chất và lượng tại các tuyến cấp cơ sở.

### 2. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị/Ban điều hành

#### a. Hoạt động của HĐQT như sau:

+ Tổ chức các cuộc họp định kỳ thành phần tham dự đầy đủ; điều hành các cuộc họp tập trung vào các nội dung chủ yếu: kế hoạch, chiến lược SXKD, mô hình tổ chức, cơ chế chính sách, đầu tư dự án, phát hành Esop,...các thành viên

tham dự đều có ý kiến phát biểu, kết quả: *ban hành 35 văn bản (25 Nghị quyết, 09 Quyết định và 01 văn bản khác thuộc thẩm quyền); công bố thông tin theo quy định pháp luật và Ủy ban chứng khoán;*

+ Tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên được 100% cổ đông tham dự biểu quyết và tán thành;

+ Hoạt động tuân thủ Nghị quyết, Điều lệ, Quy chế, đảm nhiệm tốt vai trò với tư cách là người đại diện vốn, luôn đảm bảo tốt lợi ích của Tổng công ty và cổ đông.

***b. Hoạt động của Ban điều hành:***

+ Triển khai hoàn thành tốt nhiệm vụ theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ và kế hoạch kinh doanh năm 2020.

+ Điều hành các cuộc họp nghiêm túc, Ban TGD lắng nghe ý kiến đề xuất tìm nguyên nhân gốc vấn đề tồn tại, đưa ra giải pháp khắc phục nhằm tuân thủ và thượng tôn pháp luật.

+ Ứng dụng số hóa vào các lĩnh vực quản lý thông qua hoạt động chuyển đổi số, mục tiêu nâng cao năng suất lao động, giảm thời gian, tăng hiệu quả, nhằm đáp ứng với chiến lược phát triển.

+ Nỗ lực, đột phá trong điều hành: *đưa các sản phẩm dịch vụ, ngành nghề mới vào hoạt động kinh doanh, tối ưu chi phí, đẩy mạnh hoạt động đầu tư hạ tầng cho thuê và điện năng lượng sạch, quản lý dòng tiền,... mục tiêu hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh.*

+ Tuy nhiên, lĩnh vực mới đầu tư hạ tầng cho thuê triển khai còn chậm, chưa đạt kế hoạch, do vậy doanh thu chỉ đạt 65,3/150,9 tỷ đồng ~ 43,2% so với kế hoạch.

***c. Giám sát hoạt động công bố thông tin***

Năm 2020, Tổng công ty đã thực hiện công bố 48 thông tin theo quy định của pháp luật, không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính.

***3. Kết quả giám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2020***

- Hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết.

- Vốn điều lệ năm 2020 sau khi tăng là: 717.818.280.000đ ~ 71.781.828 cổ phiếu, trong đó, trả:

+ Cổ tức bằng cổ phiếu: 9.710.616 cổ phiếu ~ 16% và phát hành cổ phiếu ưu đãi Esop 1.373.703 cổ, tăng lên 71.781.828 cổ phiếu (MG 10.000đ/cổ phiếu).

+ Trả bằng tiền của năm 2019 giá trị 10% trong năm 2020 ~ 60,6 tỷ đồng.

- Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo đúng Nghị quyết.

***4. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh 2020***

***4.1. Công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính***

***a. Về việc thực hiện chế độ kế toán và báo cáo tài chính***

- Báo cáo tài chính năm 2020 được lập trên cơ sở lựa chọn chính sách kế toán phù hợp, áp dụng các chính sách này một cách nhất quán, thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý, tuân thủ pháp luật và các quy định của Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam.

- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC "là đơn vị nằm trong danh sách được thông

qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2020”, báo cáo được chấp nhận toàn phần và có ý kiến phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu và được công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

**b. Về kiểm toán báo cáo tài chính**

Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến trong báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Kết quả phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**4.2. Tình hình kinh doanh và tài chính của Tổng công ty tại ngày 31/12/2020**

**4.2.1 Kết quả kinh doanh thực hiện theo Nghị Quyết của ĐHĐCĐ**

ĐVT: Triệu đồng./.

TT	NỘI DUNG	TH 2020	KH 2020	TH 2019	CL TH 2020-KH 2020		CL TH 2020-TH 2019	
					+/-	%	+/-	%
1	Tổng doanh thu	6 380 370	6 000 000	5 140 660	380 370	6.3%	1 239 710	24.1%
2	Chi phí	6 035 266	5 762 000	4 900 954	273 266	4.7%	1 134 312	23.1%
3	Lợi nhuận trước thuế	345 104	254 000	239 706	91 104	35.9%	105 398	44.0%
4	Lợi nhuận sau thuế	274 174	199 000	188 955	75 174	37.8%	85 219	45.1%
5	Vốn chủ sở hữu	1 060 862		867 063			193 800	22.4%
6	Tổng tài sản	3 879 102		2 443 638			1 435 464	58.7%

- HĐQT/BĐH thực hiện tốt các chỉ tiêu so với kế hoạch và năm 2019:

+ Doanh thu đạt 6.380 tỷ đồng, vượt 380 tỷ đồng ~ 6,3% so với nghị quyết và 1.239 tỷ đồng ~ tăng 24,1% so với năm 2019.

+ Lợi nhuận trước thuế đạt 345 tỷ đồng, tăng 91 tỷ ~ tăng 35,9% so với nghị quyết, tăng 105 tỷ đồng ~ tăng 44,0% so với năm 2019;

+ Lợi nhuận sau thuế đạt 274 tỷ đồng, tăng 75 tỷ đồng ~ tăng 37,7% so với nghị quyết, tăng 85 tỷ đồng ~ tăng 45,1% so với năm 2019;

+ Đặc biệt Vốn chủ sở hữu lần đầu tiên đạt hơn 1.060,8 tỷ đồng, tăng mạnh 193,8 tỷ đồng ~ tăng 22% so với năm 2019.

+ Tổng tài sản đạt 3.879 tỷ đồng, tăng 1.435,4 tỷ đồng ~ tăng 58,7% so với năm 2019.

**4.2.2. Tình hình tài chính của TCT tại thời điểm 31/12/2020**

ĐVT: Triệu đồng./.

Chỉ tiêu	Mã số	2020	2019	Delta Cùng kỳ	
				Delta	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)
<b>Kết quả kinh doanh</b>					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6 359 187	5 099 890	1 259 297	↑ 25%
Giá vốn hàng bán	11	6 359 187	5 099 890	1 088 642	↑ 23%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	474 557	303 902	170 655	↑ 56%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	343 992	222 394	121 598	↑ 55%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	345 104	239 706	105 398	↑ 44%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	274 174	188 955	85 219	↑ 45%
Lợi nhuận trước lãi vay và thuế (EBIT)	53	345 104	239 706	105 398	↑ 44%
Lợi nhuận trước thuế + lãi vay + khấu hao (EBITDA)	54	429 304	282 214	145 359	↑ 51%
Dòng tiền thuần NCF (Net Cash Flow)	55	358 375	231 464	125 180	↑ 54%
<b>Khả năng sinh lời</b>					
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu	%	5.43%	4.70%	0.7%	↑ 15%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu	%	4.31%	3.71%	0.6%	↑ 16%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bq	%	8.67%	7.93%	0.7%	↑ 9%
Khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE)	%	28.44%	23.00%	5.4%	↑ 24%

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Tổng công ty năm 2020 đảm bảo tăng trưởng và ổn định, xu hướng phát triển tốt:

+ EBITDA năm 2020 đạt 429 tỷ đồng tăng 145 tỷ đồng ~ tăng 51% so với năm 2019,

+ Dòng tiền ròng đạt 358 tỷ đồng tăng 125 tỷ đồng ~ tăng 54% so với năm 2019,

+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu tăng nhanh: 15% so với năm 2019 tăng từ 4,7% năm 2019 lên 5,4% năm 2020,

+ (ROE) Lợi nhuận sau thuế/VCSH: 28,4% tăng 24% so với năm 2019 (23%);

+ (ROA) Lợi nhuận sau thuế/Tổng TS: 8,67% tăng 9% so với năm 2019 (7,93%).

### 5. Đánh giá sự phối hợp giữa BKS với HĐQT/BĐH và ĐHCĐ

- Giữa hai kỳ ĐHCĐ thường niên 2020-2021, Tổng công ty đảm bảo nguồn cung cấp thông tin; công tác phối hợp giữa HĐQT/BĐH vẫn đảm bảo nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp của Tổng công ty và của cổ đông theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và quy chế hoạt động.

- Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ quy định theo Điều lệ của Tổng công ty và quy định của Pháp luật.

## PHẦN II: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2021

### 1. Mục tiêu kế hoạch

- Giám sát toàn bộ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;
- Giám sát thực hiện NQ ĐHĐCĐ và việc chấp hành quy định pháp luật;
- Đánh giá hệ thống Quản trị rủi ro thông qua các tuyến phòng vệ;
- Giám sát chuyên sâu theo chuyên đề, tìm bản chất vấn đề, ra kiến nghị.

### 2. Kế hoạch hoạt động

- 1) Thực hiện giám sát theo kế hoạch đã thông qua theo quy định của pháp luật.
- 2) Giám sát các nội dung, kiến nghị của kiểm toán độc lập trong báo cáo tài chính.
- 3) Giám sát theo chuyên đề: *Tài chính, đầu tư, mua sắm, cơ chế khoán.*
- 4) Thẩm định báo cáo tài chính quý/bán niên/năm, trước và sau kiểm toán.
- 5) Giám sát việc công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định.
- 6) Kiểm tra các đề xuất từ phía các cổ đông tới Ban kiểm soát (nếu có).
- 7) Giám sát thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ với HĐQT/BĐH.
- 8) Giám sát khắc phục các kết luận thanh kiểm tra và các công việc khác.

## PHẦN III. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

Để công tác điều hành hoạt động có hiệu quả cao, Ban kiểm soát có một số kiến nghị đối với HĐQT/BĐH như sau:

*Thứ nhất:* Đẩy mạnh hoạt động số hóa vào trong mọi lĩnh vực quản lý như: phân tích dữ liệu, đối soát tự động, ký đối chiếu công nợ điện tử, quản lý tài sản.

*Thứ hai:* Đẩy mạnh hoạt động quản trị rủi ro thông qua các chốt phòng vệ, đồng thời tổ chức đánh giá hiệu quả của bộ máy.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Ban kiểm soát xin chân thành cảm ơn HĐQT/BĐH Tổng Công ty đã tạo điều kiện tốt để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Kính trình./.

**T/M BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**NGÔ QUANG TUỆ**

C.I.C.P.

Số: 07/BC-VCC-BKS

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2021

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel;

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel,

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 như sau:

**1. Yêu cầu đối với đơn vị kiểm toán**

- Là đơn vị kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp nhận kiểm toán cho các Công ty đại chúng.

- Là đơn vị kiểm toán có kinh nghiệm kiểm toán lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty, có uy tín về chất lượng dịch vụ và đảm bảo thời gian kiểm toán, phí kiểm toán.

**2. Đề xuất của Ban Kiểm soát**

Dựa theo tiêu chí trên, Ban kiểm soát đề xuất các công ty kiểm toán sau:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
2. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
3. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
4. Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam

Kính đề nghị Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một Công ty Kiểm toán trong danh sách các công ty nêu trên theo đề xuất của Ban Kiểm soát và giao Tổng Giám đốc ký kết hợp đồng dịch vụ kiểm toán với Công ty Kiểm toán được chọn để thực hiện kiểm toán hoặc soát xét Báo cáo tài chính bán niên (6 tháng) và Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Tổng Công ty.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**



**NGÔ QUANG TUỆ**

Số: 08/BC-VCC-BKS

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2021

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**Về việc thông qua quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Áp dụng quy định của pháp luật hiện hành, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Công trình Viettel bao gồm 8 chương và 25 điều.

*(Dự thảo Quy chế đính kèm tờ trình này).*

Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua, Ban kiểm soát Tổng công ty có trách nhiệm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**



**NGÔ QUANG TUỆ**

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

## QUY CHẾ

### Tổ chức và hoạt động của

### **Ban kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VCC-ĐHĐCD ngày của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty CP Công trình Viettel)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số /QĐ-VCC-ĐHĐCD ngày tháng năm 2021.

Ban kiểm, soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel bao gồm các nội dung sau:

## Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1.1. **Phạm vi điều chỉnh:** Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và các quy định khác có liên quan.

1.2. **Đối tượng áp dụng:** Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên.

#### **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát**

2.1. Ban Kiểm soát tổ chức và Hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2.2. Những thông tin thu thập được trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát phải được xem xét, đánh giá trung thực, khách quan trên cơ sở các tài liệu được kiểm tra tại chỗ hoặc thông qua việc Báo cáo, cung cấp thông tin.



2.3. Tất cả các biên bản, báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát gửi cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cơ quan nhà nước phải được thảo luận tập thể trong Ban kiểm soát và có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị.

2.4. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các Kiểm soát viên chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

#### **Điều 4. Giải thích các từ viết tắt**

Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

**1. Ban kiểm soát (BKS):** là Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel.

**2. Hội đồng quản trị (HĐQT):** Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel.

**3. Thành viên Hội đồng quản trị (TVHĐQT):** là các thành viên trong Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Công trình Viettel.

**4. Tiểu Ban thư ký:** là bộ máy giúp việc của HĐQT và do HĐQT lập theo quy định.

**5. Người điều hành doanh nghiệp** là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

**6. Người quản lý doanh nghiệp** là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị quy định;

**7. Kiểm soát nội bộ (KSNB):** là bộ phận thuộc Phòng pháp chế và kiểm toán nội bộ Tổng Công ty.

**8. Tổng công ty (TCT):** là Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel.

**9. VCC:** là từ viết tắt bằng tiếng Anh của tên Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel.

**10. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** Là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.

**11. Điều lệ Tổng công ty:** Điều lệ tổ chức và Hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel hiện hành.

**12. Luật doanh nghiệp:** Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (áp dụng từ 01/01/2021 và thay thế cho Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13) và các văn bản hướng dẫn liên quan.

**13. Luật chứng khoán:** là luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (áp

dụng từ ngày 01/01/2021 và thay thế cho Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và Luật số 62/2010/QH12).

## **Chương II** **KIỂM SOÁT VIÊN**

### **Điều 5. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng Công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

2. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

3. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng Công ty.

4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát

5. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường.

6. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm.

7. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên Ban Kiểm soát.

4. Trung thành với lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

5. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

6. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng Công ty.

7. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

### **Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng Công ty từ 03 đến 05 Kiểm soát viên. Số lượng thành viên Ban kiểm soát cụ thể từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

### **Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên**

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty;

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

4. Không phải là người quản lý Tổng Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng Công ty;

5. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tập đoàn; người đại diện phần vốn nhà nước tại Tập đoàn, người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Tổng Công ty.

6. Không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty.

b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong 03 năm liền trước đó.

### **Điều 8. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

3.1. Tổ chức triển khai việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo quy định tại Quy chế này, Điều lệ Tổng công ty và các quy định của Pháp luật có liên quan.

3.2. Chủ trì xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

3.3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

3.4. Lên chương trình, kế hoạch giám sát kiểm tra theo định kỳ hàng quý, hàng năm và tổ chức thực hiện theo chương trình, kế hoạch đã lập.

3.5. Chịu trách nhiệm đôn đốc các Kiểm soát viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng Kiểm soát viên. Giám sát, chỉ đạo các Kiểm soát viên trong việc thực hiện các công việc được phân công.

3.6. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của các Kiểm soát viên liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban kiểm soát.

3.7. Ủy quyền cho Kiểm soát viên đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban trong thời gian vắng mặt, Kiểm soát viên được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác. Tham gia hoặc cử Kiểm soát viên tham dự các cuộc họp giao ban tháng, quý, năm của Tổng công ty; các phiên họp của Hội đồng quản trị

3.8. Thay mặt Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát; Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp quy định tại Điều lệ và các quy định có liên quan của pháp luật.

3.9. Chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trong Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất của Ban kiểm soát được gửi đến Đại Hội đồng cổ đông.

3.10. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để Báo cáo Ban kiểm soát.

3.11. Đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.

3.12. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

## **Điều 9. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên**

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng

viên; từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) thành viên.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Kiểm soát viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Ban Kiểm soát giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật

### **Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

### **Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Quy chế này, Điều lệ Tổng công ty và quy định pháp luật liên quan;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ TCT và Quy chế này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty;

e) Tổng Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty phải được thông báo theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

## **Chương III**

### **BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Tổng Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Tổng Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ Tổng Công ty.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ Tổng Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ

chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

14. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

15. Giám sát tình hình tài chính của Tổng Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

16. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

17. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ TCT của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

18. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

19. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

20. Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Tổng công ty.

21. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Điều lệ Tổng công ty.

22. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

23. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

24. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

25. Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

26. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.



#### **Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng Công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

#### **Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ TCT;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tổng Công ty hoàn lại.

#### **Chương IV**

## **CUỘC HỌP VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 14. Cuộc họp và Biên bản họp của Ban kiểm soát**

1. Cuộc họp Ban kiểm soát đầu tiên của nhiệm kỳ mới phải được tổ chức trong vòng 07 ngày sau ngày bầu cử, cuộc họp này sẽ do thành viên Ban kiểm soát có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số quá bán 01 người trong số họ để triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát.

2. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

3. Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:

- Trưởng Ban kiểm soát;
- Ít nhất 2/3 (hai phần ba) Kiểm soát viên;
- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị;
- Tổng Giám Đốc.
- Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

Đề nghị phải lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.

5. Trưởng Ban kiểm soát triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban kiểm soát. Trường hợp vắng mặt, Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền cho một Kiểm soát viên thay mặt chủ trì, giải quyết các công việc của Ban kiểm soát.

6. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Ban chức năng và đại diện tổ chức kiểm toán viên được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần làm rõ.

### **Điều 15. Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban Kiểm soát**

1. Thông báo mời họp Ban Kiểm soát (trừ trường hợp họp bất thường) phải được gửi cho các thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu 03 (ba) ngày làm việc trước họp. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ: chương trình họp, thời gian họp, địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và cả các phiếu biểu quyết cho những thành viên Ban Kiểm soát không thể dự họp. Những Kiểm soát viên này sẽ gửi phiếu cho Ban kiểm soát trước khi họp. Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác do Điều lệ Tổng Công ty quy định, nhưng phải bảo đảm đến địa chỉ từng thành viên Ban kiểm soát đã đăng ký tại Tổng Công ty.

3. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi số lượng thành viên dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

4. Trường hợp triệu tập họp Ban kiểm soát định kỳ, họp lần đầu nhưng không đủ số Kiểm soát viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban kiểm soát lần hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Ban kiểm soát dự họp.

Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Ban kiểm soát có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Ban kiểm soát khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến cho chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên Ban kiểm soát trực tiếp dự họp.

5. Trường hợp triệu tập họp bất thường: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của các đối tượng theo quy định tại Quy chế này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty. Người đề nghị họp có quyền triệu tập Ban kiểm soát.

#### **Điều 16. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát**

1. Mỗi Kiểm soát viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp. Nếu Kiểm soát viên không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một Kiểm soát viên khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết này.

2. Kiểm soát viên có quyền lợi liên quan đến vấn đề được đưa ra trong cuộc họp Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của Kiểm soát viên khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

3. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được trên 50% số Kiểm soát viên có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp trong trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt.

4. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các Kiểm soát viên tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến.

#### **Điều 17. Biên bản họp Ban kiểm soát**

1. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Nội dung mỗi cuộc họp của Ban kiểm soát phải được lập thành văn bản ghi rõ ràng các vấn đề của cuộc họp. Văn bản này sẽ phải được lưu trữ theo trình tự thời gian tại trụ sở Tổng Công ty. Biên bản này là cơ sở cho các Quyết định của Ban kiểm soát. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Thời gian và địa điểm tổ chức phiên họp;
- Họ tên từng Kiểm soát viên dự họp hoặc người được Ủy quyền dự họp; Họ tên các Kiểm soát viên không dự họp và lý do;
- Chương trình và nội dung;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt ý kiến phát biểu tại cuộc họp;
- Kết luận của chủ tọa cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những Kiểm soát viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các ý kiến bảo lưu;
- Các Quyết định đã được thông qua;
- Họ tên, chữ ký của tất cả Kiểm soát viên hoặc đại diện theo Ủy quyền dự họp.

2. Biên bản họp phải được đọc lại trước tất cả các Kiểm soát viên tham dự phiên họp và được tất cả các Kiểm soát viên tham dự ký. Chủ tọa và Thư ký phải trung thực và chịu trách nhiệm về tính chính xác của Biên bản họp Ban kiểm soát.

3. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm gửi Biên bản họp cho các thành viên Ban Kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là bằng chứng mang tính kết luận về việc tổ chức họp và ban hành các quyết định có liên quan của Ban kiểm soát, trừ trường hợp có khiếu nại liên quan đến việc tổ chức họp và nội dung của Biên bản họp đó được đưa ra trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

### **Điều 18. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát**

1. Chế độ làm việc: Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Thành viên Ban kiểm soát làm việc chuyên trách: là thành viên làm việc toàn thời gian với chức danh đó tại công ty. Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm là thành viên không làm việc theo chế độ chuyên trách.

2. Định kỳ hàng quý, Trưởng Ban kiểm soát sẽ gửi Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc kế hoạch làm việc, nội dung kiểm tra của Ban trong quý.

3. Kiểm soát viên được chủ động kiểm tra theo nhiệm vụ đã được Trưởng ban phân công. Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm về nhiệm vụ được giao trước Trưởng Ban kiểm soát và trước Đại Hội đồng cổ đông.

4. Giám sát là một biện pháp kiểm tra chủ yếu được Ban kiểm soát thực hiện thường xuyên nhằm ngăn ngừa, phát hiện và kịp thời xử lý các vi phạm Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty. Có hai hình thức giám sát:

- *Giám sát gián tiếp*: Thông qua các tài liệu, báo cáo, các dự thảo do Tổng Công ty gửi đến và thông tin thu thập được từ nhiều nguồn khác nhau, Ban kiểm soát kiểm tra đối chiếu với các quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế của Tổng Công ty, các quy định về quản lý tài chính của Tổng Công ty. Nếu phát hiện có sự sai lệch, vi phạm các quy định trên, Ban Kiểm soát phải có ý kiến đề nghị Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty xem xét và có sự điều chỉnh cho phù hợp.

- *Giám sát trực tiếp*: Theo sự phân công của Trưởng ban kiểm soát, các Kiểm soát viên được trực tiếp làm việc với các Bộ phận nghiệp vụ của Tổng Công ty để giám sát tại chỗ việc chấp hành các qui định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế của Tổng công ty và các quy định về quản lý tài chính; sau đó báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát để Trưởng Ban kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung hoặc thông báo cho Tổng Giám đốc Tổng Công ty xem xét điều chỉnh hoạt động cho phù hợp và có hiệu quả.

#### 5. Kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất

- *Kiểm tra định kỳ*: Căn cứ kế hoạch công tác đã thông báo Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát thực hiện hiện các nội dung công việc kiểm soát theo kế hoạch đề ra.

- *Kiểm tra đột xuất*: Đối với những việc cần kiểm tra đột xuất để phát hiện sớm sai sót giúp Tổng công ty khắc phục kịp thời, Trưởng Ban kiểm soát quyết định thời điểm và nội dung kiểm tra, sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị và thông báo cho Tổng Giám đốc.

6. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm thông tin đầy đủ, kịp thời và thường xuyên trao đổi ý kiến với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về các vấn đề có liên quan đến công tác giám sát, kiểm tra.

7. Trường hợp đối tượng kiểm tra chưa nhất trí với nội dung kết luận của Ban kiểm soát thì được ghi rõ ý kiến của mình trong biên bản kiểm tra để Trưởng ban kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tổng Công ty.

8. Các nội dung kiến nghị của Ban kiểm soát trước khi trình Đại Hội đồng cổ đông phải được đưa ra lấy ý kiến tập thể trong Ban kiểm soát và kết luận theo đa số. Mỗi Kiểm soát viên có quyền bảo lưu ý kiến của mình trong báo cáo của Ban kiểm soát.

## Chương V

### BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

#### Điều 19. Trình báo cáo hàng năm

1. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết.

#### **Điều 20. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty.

#### **Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban kiểm soát của Tổng Công ty phải kê khai cho Tổng Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## **Chương VI**

### **MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 22. Mối quan hệ của Ban kiểm soát**

1. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên: Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

2. Mối quan hệ với Ban điều hành: Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

3. Mọi quan hệ với Hội đồng quản trị: Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

### **Điều 23. Khen thưởng, kỷ luật**

1. Trưởng Ban kiểm soát, các Kiểm soát viên trong Ban kiểm soát có thành tích trong công tác kiểm tra, kiểm soát và các hoạt động có liên quan được khen thưởng vật chất, tinh thần theo quy chế khen thưởng chung của Tổng công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát, các Kiểm soát viên trong Ban kiểm soát vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành trong kiểm tra, kiểm soát và các hoạt động có liên quan hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn vụ lợi, có động cơ cá nhân xâm phạm lợi ích hợp pháp của Tổng công ty thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị xử lý theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, bị xử lý hành chính hay truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

## **Chương III**

### **BỔ SUNG SỬA ĐỔI VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH**

#### **Điều 24. Bổ sung và sửa đổi quy chế**

1. Việc sửa đổi bổ sung quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật, của Điều lệ Tổng công ty và các văn bản pháp lý liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật, của Điều lệ Tổng công ty và các văn bản pháp lý liên quan khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được Ban kiểm soát áp dụng và điều chỉnh.

#### **Điều 25. Hiệu lực**

1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát có hiệu lực thi hành kể từ ngày được ký quyết định ban hành.

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các phòng, ban, đơn vị trực thuộc liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



Số: 09/TTr-VCC-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2021

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình Viettel.

Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 với những chỉ tiêu chính như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019 (Đã điều chỉnh)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Báo cáo tài chính riêng</b>			
1	Tổng tài sản	3.632.186	2.325.900	
2	Nợ phải trả	2.588.640	1.473.597	
	- Trong đó Nợ vay	47.301	0	
3	Vốn chủ sở hữu	1.043.546	852.303	
4	Tổng Doanh thu	6.033.414	4.890.947	
5	Tổng Chi phí	5.700.264	4.648.244	
6	Lợi nhuận trước thuế	333.150	242.703	
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	268.698	196.572	
<b>II</b>	<b>Báo cáo tài chính hợp nhất</b>			
1	Tổng tài sản	3.879.102	2.443.638	
2	Nợ phải trả	2.818.240	1.576.576	
	- Trong đó Nợ vay	47.301	0	
3	Vốn chủ sở hữu	1.060.862	867.063	
4	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	23	162	
5	Tổng Doanh thu	6.380.370	5.140.660	
6	Tổng Chi phí	6.035.266	4.900.954	
7	Lợi nhuận trước thuế	345.104	239.706	
8	Thuế TNDN	70.929	50.750	
9	Lợi nhuận sau thuế TNDN	274.174	188.955	

(Báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo công ty mẹ (Báo cáo riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán chi tiết đính kèm)

Kính trình./



NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN

Số: 10/TT-VCC-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2021

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC,

Căn cứ thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội thông qua 02 nội dung như sau:

#### I. Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Tỷ trọng	
			%/VDL	%/LNST
1	Vốn điều lệ ngày 31/12/2020:	717.818.280.000		
2	Tổng LNST dùng để phân phối:	325.742.929.726	45,4%	
	<i>Trong đó:</i>			
-	LNST thực hiện trong kỳ	268.697.559.693		
-	LNST chưa phân phối kỳ trước	8.360.226.191		
-	Quỹ ĐTPT tại Tổng Công ty	48.685.143.842	6,8%	
3	<b>Đề xuất cơ cấu phân phối lợi nhuận:</b>			
3.1	Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	40.304.633.954	5,6%	15,0%
3.2	Trích thưởng Người quản lý	2.200.000.000	0,3%	1,2%
3.3	Trả cổ tức :	283.238.295.772	<u>39,46%</u>	
*	Trả cổ tức bằng tiền mặt	71.781.828.000	10,00%	
*	Trả cổ tức bằng cổ phiếu từ LNST	162.771.323.930	22,68%	
*	Trả cổ tức bằng cổ phiếu từ Quỹ ĐTTP	48.685.143.842	6,78%	
4	LNST còn lại chưa phân phối:	-		
5	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn:	929.274.747.772		

*Đề xuất:*



- ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT, BKS xem xét, quyết định mức thưởng, hình thức thưởng và phương án thưởng cụ thể cho mục 3.2 của Tổng Công ty.

- Đối với việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: Giao Tổng Giám đốc Tổng công ty phân bổ tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi trên cơ sở nhu cầu chi thực tế và quy định pháp luật và nội bộ của Tổng công ty.

## **II. Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu**

### **1. Phương án phát hành**

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức cho các cổ đông để tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty với phương án như sau:

- Tên cổ phiếu: Tổng công ty cổ phần Công trình Viettel
- Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số cổ phần hiện có: 71.781.828 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 21.145.646 cổ phiếu (Tương đương 29,46% tổng số cổ phần hiện có)
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 211.456.460.000 đồng.
- Tỷ lệ thực hiện: 10.000:2.946 (mỗi cổ đông sở hữu 10.000 cổ phần tại ngày chốt danh sách cổ đông sẽ được thưởng thêm 2.946 cổ phần mới)
- Nguồn vốn phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và Quỹ đầu tư phát triển của Công ty mẹ.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền.
- Ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền: Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm thích hợp, căn cứ vào tình hình thị trường và hoạt động của Tổng công ty, đảm bảo đúng các quy định của Pháp luật hiện hành.
- Phương thức thực hiện: Cổ đông có tên trong danh sách vào ngày chốt danh sách cổ đông sẽ được nhận số lượng cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ thực hiện.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có phát sinh) sẽ bị hủy bỏ và ghi nhận bổ sung vào lợi nhuận chưa phân phối và để lại năm sau.



- Thời gian dự kiến phát hành: Trong năm 2021 (sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận phương án).

## 2. Tổ chức thực hiện

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng Công ty quyết định các vấn đề sau và giao cho Tổng Giám đốc Tổng Công ty tiến hành:

- Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của Pháp luật để thực hiện việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và quyết định việc xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh.

- Thực hiện các thủ tục để thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội; Thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đối với số lượng cổ phiếu phát hành thành công.

- Chủ động sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty theo quy mô vốn điều lệ tăng thêm và báo cáo Đại hội đồng cổ đông vào phiên họp gần nhất.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua. /



NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN



Số: 11/TT-VCC-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2021

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**Về việc thông qua mức thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và đề xuất mức thù lao cho năm 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Công trình Viettel.

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel;

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021, Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua mức thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

**1. Quyết toán thù lao, lương Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020:**

**a. Hội đồng quản trị, tiểu ban thư ký:** Tổng mức thù lao, lương năm 2020 là: 3,812 tỷ đồng trong đó:

**- Thù lao cho thành viên HĐQT không chuyên trách:**

+ Thù lao cho Chủ tịch HĐQT: 10 triệu đồng/tháng.

+ Thù lao cho các thành viên HĐQT khác: 7 triệu đồng/người/tháng.

+ Thù lao cho thư ký HĐQT không chuyên trách: 5 triệu đồng/người/tháng

**- Lương cho thành viên HĐQT chuyên trách:**

Thực hiện chi trả theo Quy chế lương của Tổng công ty và thực hiện đúng theo Nghị quyết số 060602/NQ-CT-HĐQT được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 06/06/2020.

**b. Ban Kiểm soát:** Tổng mức thù lao, lương năm 2020 là: 2,090 triệu đồng trong đó:

**- Thù lao cho Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách:**

+ Thù lao cho Trưởng Ban Kiểm soát: 2 triệu đồng/tháng.

+ Thù lao cho các thành viên BKS khác: 1 triệu đồng/người/tháng.

**- Lương cho Ban Kiểm soát chuyên trách:**

Thực hiện chi trả theo Quy chế lương của Tổng công ty và thực hiện đúng theo Nghị quyết số 060602/NQ-CT-HĐQT được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 06/06/2020.

*Các số liệu trên không bao gồm thưởng từ quỹ thưởng cho Người quản lý trong trường hợp ĐHĐCĐ thông qua.*

**c. Chi phí hoạt động 2020:** Tổng chi phí hoạt động 2020 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: 797 triệu đồng.

**2. Đề xuất mức thù lao, lương cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị năm 2021:**

**2.1. Đề xuất Thù lao, lương của HĐQT, Tiểu ban thư ký:**

Dự kiến tổng mức thù lao, lương của HĐQT, Tiểu ban thư ký năm 2021 là 2,22 tỷ đồng, trong đó:



- Thù lao cho Thành viên HĐQT, Thư ký không chuyên trách:
- + Thù lao cho Chủ tịch HĐQT: 10 triệu đồng/tháng
- + Thù lao cho các thành viên HĐQT khác: 7 triệu đồng/người/tháng.
- + Thù lao cho thư ký HĐQT không chuyên trách: 5 triệu đồng/người/tháng.

- Lương cho Thành viên HĐQT, tiểu ban thư ký chuyên trách: Chi trả theo Quy chế lương và các Quy chế nội bộ của Tổng công ty trên cơ sở kết quả hoàn thành sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, đảm bảo nguyên tắc tốc độ tăng lương của người quản lý không được vượt quá tốc độ tăng lương của người lao động.

## 2.2. Đề xuất Thù lao, lương của Ban kiểm soát:

Dự kiến tổng mức thù lao, lương của Ban kiểm soát năm 2021 là 2,17 tỷ đồng, trong đó:

- Thù lao cho Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 5 triệu đồng/người/tháng.

- Lương cho Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách: Chi trả theo Quy chế lương và các Quy chế nội bộ của Tổng công ty trên cơ sở kết quả hoàn thành sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, đảm bảo nguyên tắc tốc độ tăng lương của người quản lý không được vượt quá tốc độ tăng lương của người lao động.

## 3. Chi phí phục vụ hoạt động của Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát:

Để thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi quyền hạn và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát sử dụng chi phí tuân thủ theo các Quy chế nội bộ mà Tổng công ty ban hành. Dự kiến chi phí hoạt động 2021 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: 1,18 tỷ đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN**

Số: 12/TTr-VCC-HDQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2021

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và ban hành Điều lệ,  
Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty cổ phần Công trình Viettel phê duyệt nội dung sau:

### I. Bổ sung ngành nghề kinh doanh:

Để tiếp tục phát huy các điểm mạnh đang có và hoàn thành sứ mệnh đặt ra trong giai đoạn 2020 – 2025: “*Thúc đẩy cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến các doanh nghiệp, hộ gia đình*”, Hội đồng quản trị đề xuất thêm các hoạt động kinh doanh mới sau:

#### 1. Kinh doanh sàn giao dịch thương mại điện tử:

- **Lý do bổ sung:** Xây dựng nền tảng để đẩy mạnh kinh doanh dịch vụ Homecare thuộc lĩnh vực Vận hành khai thác; Đáp ứng xu thế kinh doanh của thị trường, tận dụng nguồn lực sẵn có để thúc đẩy việc tăng trưởng kinh doanh theo định hướng của Tổng Công ty.

- **Mã ngành bổ sung:** Mã ngành 8299: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử.

#### 2. Thi công, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy điện gió:

- **Lý do bổ sung:** Mở rộng các hoạt động kinh doanh liên quan đến công trình nhà máy điện sử dụng năng lượng tái tạo.

- **Mã ngành bổ sung:** 7110, 4329.

+ **Mã ngành 7110:** Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết:

- Tư vấn quản lý, khảo sát, thiết kế, xây dựng, giám sát, lập dự án, quản lý dự án đầu tư

- Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn thẩm định, tư vấn kiểm tra kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy.

- Tư vấn quản lý, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát thi công công trình điện.

+ **Mã ngành 4329:** Lắp đặt hệ thống xây dựng khác

Chi tiết:

- Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy

- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống pin mặt trời, công trình điện gió.



## II. Ban hành Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị:

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel đề xuất ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị như sau:

### 1. Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel:

Bao gồm 57 Điều theo Dự thảo đính kèm tờ trình này.

### 2. Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel:

Bao gồm 06 Chương, 21 Điều theo Dự thảo đính kèm tờ trình này.

### 3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị:

Bao gồm 08 Chương, 35 Điều theo Dự thảo đính kèm tờ trình này.

## III. Tổ chức thực hiện:

Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua, Hội đồng quản trị Tổng công ty có trách nhiệm ban hành Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và quyết định, chỉ đạo, giám sát việc Ban điều hành thực hiện các thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh của Tổng công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, ban hành Điều lệ và công bố thông tin theo quy định.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua. /



NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI**

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**(DỰ THẢO)**

Hà Nội, tháng 04 năm 2021

## MỤC LỤC

<b>Điều 1.</b>	Giải thích thuật ngữ.....	3
<b>Điều 2.</b>	Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty .....	4
<b>Điều 3.</b>	Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty .....	4
<b>Điều 4.</b>	Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty.....	5
<b>Điều 5.</b>	Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng Công ty .....	8
<b>Điều 6.</b>	Vốn điều lệ, cổ phần.....	9
<b>Điều 7.</b>	Chứng nhận cổ phiếu.....	9
<b>Điều 8.</b>	Chứng chỉ chứng khoán khác.....	10
<b>Điều 9.</b>	Chuyển nhượng cổ phần.....	10
<b>Điều 10.</b>	Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát .....	10
<b>Điều 11.</b>	Quyền của cổ đông.....	11
<b>Điều 12.</b>	Nghĩa vụ của cổ đông.....	13
<b>Điều 13.</b>	Đại hội đồng cổ đông .....	14
<b>Điều 14.</b>	Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	14
<b>Điều 15.</b>	Đại diện theo ủy quyền .....	15
<b>Điều 16.</b>	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
<b>Điều 17.</b>	Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
<b>Điều 18.</b>	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	18
<b>Điều 19.</b>	Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông..	19
<b>Điều 20.</b>	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	20
<b>Điều 21.</b>	Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	21
<b>Điều 22.</b>	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
<b>Điều 23.</b>	Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	24
<b>Điều 24.</b>	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	24
<b>Điều 25.</b>	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	25
<b>Điều 26.</b>	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	26
<b>Điều 27.</b>	Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	28
<b>Điều 28.</b>	Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	28
<b>Điều 29.</b>	Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	29
<b>Điều 30.</b>	Biên bản họp Hội đồng quản trị .....	31
<b>Điều 31.</b>	Người phụ trách quản trị công ty .....	31

<b>Điều 32.</b>	Tổ chức bộ máy quản lý .....	32
<b>Điều 33.</b>	Người điều hành Tổng Công ty.....	32
<b>Điều 34.</b>	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc .....	33
<b>Điều 35.</b>	Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát .....	34
<b>Điều 36.</b>	Thành phần Ban Kiểm soát .....	34
<b>Điều 37.</b>	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát .....	35
<b>Điều 38.</b>	Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	37
<b>Điều 39.</b>	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên. ....	37
<b>Điều 40.</b>	Trách nhiệm cẩn trọng .....	38
<b>Điều 41.</b>	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	38
<b>Điều 42.</b>	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	38
<b>Điều 43.</b>	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ .....	39
<b>Điều 44.</b>	Công nhân viên và công đoàn .....	42
<b>Điều 45.</b>	Phân phối lợi nhuận.....	42
<b>Điều 46.</b>	Tài khoản ngân hàng .....	43
<b>Điều 47.</b>	Năm tài chính .....	43
<b>Điều 48.</b>	Chế độ kế toán.....	44
<b>Điều 49.</b>	Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	44
<b>Điều 50.</b>	Báo cáo thường niên.....	44
<b>Điều 51.</b>	Kiểm toán .....	44
<b>Điều 52.</b>	Dấu của Tổng Công ty .....	45
<b>Điều 53.</b>	Giải thể .....	45
<b>Điều 54.</b>	Thanh lý.....	45
<b>Điều 55.</b>	Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	46
<b>Điều 56.</b>	Điều lệ Tổng Công ty.....	47
<b>Điều 57.</b>	Ngày hiệu lực .....	47

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội thường niên tổ chức vào ngày            tháng            năm 2021.

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

"**Vốn điều lệ**" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

"**Vốn có quyền biểu quyết**" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

"**Luật Doanh nghiệp**" là luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

"**Luật Chứng khoán**" là luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

"**Ngày thành lập**" là ngày Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

"**Người điều hành doanh nghiệp**" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

"**Người quản lý doanh nghiệp**" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị quy định;

"**Người có liên quan**" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

"**Tập đoàn**" là Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội;

"**Tổng Công ty**" là Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel;

"**Công ty con**" là các Công ty cổ phần, Công ty TNHH mà Tổng Công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của Công ty đó;

"**Cổ đông**" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng Công ty;

"**Việt Nam**" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

"**Sở giao dịch chứng khoán**" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY**

### **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty**

1. Tên doanh nghiệp: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel

- Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng Anh: Viettel Construction Joint Stock Corporation.

- Tên Tổng Công ty viết tắt: VIETTEL CONSTRUCTION

2. Tổng Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Điện thoại: 024.6275.1785

- Fax: 024.6275.1783

- E-mail: viettelxct@viettel.com.vn

- Website: www.congtrinhviettel.com.vn

4. Tổng Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại các địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty**

1. Tổng Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật là cá nhân đại diện cho Tổng Công ty, thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng Công ty, đại diện cho Tổng Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam trên thì phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3 nêu trên mà người đại diện theo pháp luật chưa trở lại Việt Nam và không ủy quyền cho người khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty cho đến khi người đại diện theo pháp luật trở lại Việt Nam hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

### III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

#### Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty

##### 1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty:

Mã ngành	Tên ngành
2391	Sản xuất sản phẩm chịu lửa
2392	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
2394	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao
2399	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu
2431	Đúc sắt, thép
2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại
2591	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
2620	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính
2630	Sản xuất thiết bị truyền thông
2731	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học
2732	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác
2733	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại
3314	Sửa chữa thiết bị điện
4311	Phá dỡ
4312	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động rà phá bom mìn, nổ mìn)
4321	Lắp đặt hệ thống điện
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy

	- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống pin mặt trời
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
<b>4390 (Chính)</b>	<b>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</b> <b>Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông</b>
4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh phương tiện phòng cháy và chữa cháy
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
6110	Hoạt động viễn thông có dây
6120	Hoạt động viễn thông không dây
6190	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Kiểm tra, kiểm soát chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông;
6810	6810. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản; - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở; - Cho thuê kho không bao gồm các hoạt động lập kế hoạch, tổ chức và hỗ trợ hoạt động vận tải, kho bãi và phân phối hàng hóa.
7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
9512	Sửa chữa thiết bị liên lạc
0510	Khai thác và thu gom than cứng
0520	Khai thác và thu gom than non
0710	Khai thác quặng sắt
0722	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
0730	Khai thác quặng kim loại quý hiếm
0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
0891	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón
0892	Khai thác và thu gom than bùn
0893	Khai thác muối
1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
2410	Sản xuất sắt, thép, gang
2395	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao
2420	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý
2432	Đúc kim loại màu
4101	Xây dựng nhà để ở

4102	Xây dựng nhà không để ở
5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
4211	Xây dựng công trình đường sắt
4212	Xây dựng công trình đường bộ
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)
5224	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa tại cảng hàng không)
4221	Xây dựng công trình điện
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
4223	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
4229	Xây dựng công trình công ích khác
4741	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh
4291	Xây dựng công trình thủy
4292	Xây dựng công trình khai khoáng
4742	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh
4293	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo
4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh
5820	Xuất bản phần mềm
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
6201	Lập trình máy vi tính
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê công trình, máy móc, thiết bị, hạ tầng viễn thông, hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng cơ điện, hạ tầng đô thị thông minh, hạ tầng khác
6202	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính
0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác
6209	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và BHXH)
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn quản lý, khảo sát, thiết kế, xây dựng, giám sát, lập dự án, quản lý dự án đầu tư



	Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn thẩm định, tư vấn kiểm tra kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy
7710	Cho thuê xe có động cơ
7820	Cung ứng lao động tạm thời
7830	Cung ứng và quản lý nguồn lao động
8020	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn
8129	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt
9521	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng
9522	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình
3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện phòng cháy chữa cháy
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ các hoạt động liên quan đến đấu giá)
7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy
3512	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: - Truyền tải, phân phối và kinh doanh mua bán điện năng. - Đầu tư hệ thống truyền tải điện, lưới điện .
3511	Sản xuất điện Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh mua bán điện năng (trừ truyền tải và phân phối điện)
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử</i>
6311	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan
6312	Cổng thông tin (Trừ những thông tin nhà nước cấm, không bao gồm hoạt động báo trí)
9511	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi

## 2. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty:

Tập trung hoạt động vào lĩnh vực vận hành khai thác và xây lắp các công trình viễn thông; áp dụng công nghệ mới, hiện đại vào quá trình quản lý, vận hành, ứng cứu thông tin và trong lĩnh vực thi công, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; kinh doanh hiệu quả, tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông; nâng cao môi trường làm việc và thu nhập cho người lao động, góp phần vào sự phát triển của Tập đoàn và của đất nước.

## **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng Công ty**

Tổng Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Đối với ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Tổng Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

#### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN**

##### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần**

1. Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 717.818.280.000 đồng.

Bằng chữ: Bảy trăm mười bảy tỷ tám trăm mười tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng.

Tổng số vốn điều lệ của Tổng Công ty được chia thành 71.781.828 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Tổng Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Tổng Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

4. Tổng Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Tổng Công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Tổng Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

##### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Tổng Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng Công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định của luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng Công ty.

### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác hoặc các cam kết, thỏa thuận bằng văn bản phù hợp với quy định pháp luật; cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Tổng Công ty.

4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Tổng Công ty .

6. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông của Tổng Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

7. Tổng Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

## VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ này, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp bị hạn chế theo quy định của Điều lệ này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin liên quan về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Tổng Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng Công ty;

h) Yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Tổng Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm

liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Tổng Công ty hoặc người khác trong trường hợp tại khoản 3.1 dưới đây.

### 3.1. Các trường hợp có quyền khởi kiện:

a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3.2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Tổng Công ty được tính vào chi phí của Tổng Công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

3.3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp:

(i) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao. Yêu cầu triệu tập họp phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;

(ii) Theo quy định tại Điều 16.5 Điều lệ này;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

## **Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty và các quy chế nội bộ của Tổng Công ty.

4. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi cho các tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức được quy định tại Điều lệ này.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng Công ty.

9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

### **Điều 13. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty.

### **Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Tổng Công ty và cổ đông Tổng Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- n) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;
- o) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- p) Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- q) Thông qua báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;
- b) Báo cáo tài chính năm hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 15. Đại diện theo ủy quyền**



1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều 12.6 Điều lệ này.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trong các trường hợp dưới đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

d) Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 16. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ này;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch

Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty.

5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 11.4 Điều lệ này có quyền đại diện Tổng Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; Tổng Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội.

Trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị quy định Điều 11.4.d Điều lệ này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

i) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Điều 11.4.d Điều lệ này;

ii) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều 11.4 Điều lệ này;

iii) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán mà Tổng Công ty đăng ký giao dịch hoặc niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại

hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

ii) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

iii) Phiếu biểu quyết.

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

7. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này sẽ được Tổng Công ty hoàn lại.

### **Điều 17. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

e) Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức họp kết hợp một hoặc một số các hình thức nêu trên.

### **Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

### **Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành

và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty.

## **Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều 21 Điều lệ này.

2. Trường hợp thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp

2.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty.

2.2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2.1 và khoản 3 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

### **Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 16.6.a Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 16.6.f Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Tổng Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Tổng Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;



- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

### **Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Điều 20.6 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

## **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty (nếu có);
- f) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) thành viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên để Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ này.

### **Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường

hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định pháp luật. Tổng Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Tổng Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

### **Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một giá trị khác theo nghị quyết phân cấp thẩm quyền của Hội đồng quản

trị tùy từng thời kỳ và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị từng thời kỳ; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, các quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty thuộc thẩm quyền theo nghị quyết của Hội đồng quản trị tùy từng thời kỳ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản Tổng Công ty;

p) Phân cấp cho Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ điều hành trong phạm vi quyền hạn của Hội đồng quản trị;

q) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Tổng Công ty;

r) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng Công ty;

s) Đảm bảo hoạt động của Tổng Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng Công ty;

t) Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty;

u) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Tổng Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;

v) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- w) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- x) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công ty;
- y) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có.
- z) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Tổng Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### **Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Tổng Công ty. Thư ký Tổng Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Tổng Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

### **Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 03 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác theo quy định pháp luật.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức họp kết hợp một hoặc một số các hình thức nêu trên.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng

quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### **Điều 30. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

### **Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty**



1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 6 Điều 28 Điều lệ này.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Tổng Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty. Tổng Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

### **Điều 33. Người điều hành Tổng Công ty**

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng Công ty do Hội đồng quản trị quy định.

Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng hỗ trợ Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

#### **Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Tổng Công ty, Kiểm soát viên của Tổng Công ty và Tập đoàn; người đại diện phần vốn nhà nước tại Tập đoàn, người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Tổng Công ty;
- c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Tổng Công ty.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, hợp đồng lao động ký với Tổng Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Tổng Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tổng Công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 36. Thành phần Ban kiểm soát**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng Công ty từ 03 đến 05 Kiểm soát viên. Số lượng cụ thể thành viên Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

6. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
- d) Quyền và nghĩa vụ khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.

7. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

### **Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra

khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Tổng Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

14. Giám sát tình hình tài chính của Tổng Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

18. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

19. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng Công ty trong giờ làm việc.

20. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

21. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 38. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

### **Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên.**

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp,

quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

## **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng Công ty.

### **Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

### **Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra kể cả sau khi đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

2. Tổng Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tổng Công ty ủy quyền hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng Công ty, hành động trung thực, cần trọng vì lợi ích của Tổng Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

### **Điều 43. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Tổng Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Tổng Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công ty phải kê khai về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Tổng Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Tổng Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Tổng Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên



quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng Công ty.

## **XI. CHẤP THUẬN HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

### **Điều 44. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với người có liên quan**

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với người có liên quan sau đây:

- a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng Công ty và người có liên quan của họ;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
- c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

- a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 20 của Điều lệ.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Tổng Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

7. Ngoài các quy định tại Điều này, khi Tổng Công ty thực hiện các giao dịch với cổ đông, người quản lý Tổng Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải tuân thủ các quy định khác có liên quan của pháp luật.

## **XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY**

### **Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty, danh

sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Tổng Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

### **XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

#### **Điều 46. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

### **XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 47. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng Công ty.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Tổng Công ty. Tổng Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Tổng Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ của Tổng Công ty theo quy định và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Tổng Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Tổng Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Tổng Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

5. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **Điều 48. Tài khoản ngân hàng**

1. Tổng Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng Công ty mở tài khoản.

### **Điều 49. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

### **Điều 50. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Tổng Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Tổng Công ty tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định pháp luật. Việc tổ chức bộ máy kế toán, ghi chép kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty phải tuân thủ theo Luật Kế toán, Chuẩn mực Kế toán và chế độ Kế toán doanh nghiệp hiện hành.

3. Tổng Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng Công ty.

4. Tổng Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

## **XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Tổng Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng Công ty.

3. Tổng Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

### **Điều 52. Báo cáo thường niên**

Tổng Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **XVII. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY**

### **Điều 53. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

## **XVIII. DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY**

### **Điều 54. Dấu của Tổng Công ty**

1. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng Công ty. Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng Công ty (nếu có).

2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định nội bộ của Tổng Công ty.

## **XIX. GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ**

### **Điều 55. Giải thể**

1. Tổng Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng Công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Tổng Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 56. Thanh lý**

1. Sau khi có quyết định giải thể Tổng Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban

thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Tổng Công ty;
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Tổng Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 58. Điều lệ Tổng Công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty.

## **XXII. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 59. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel nhất trí thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2021 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty./.**



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ**  
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

*(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên  
số ...../NQ-VCC-DHĐCD ngày .....)*

(DỰ THẢO)

*Hà Nội, tháng 04 năm 2021*

## **QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số            ngày            tháng            năm 2021.*

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel. Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel bao gồm các nội dung sau:

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

###### **1.1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến quản trị công ty bao gồm những nội dung chính sau:

- a) Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát;
- b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng, Hội đồng quản trị;
- c) Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc;
- d) Các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

###### **1.2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người có liên quan.

##### **Điều 2. Giải thích thuật ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
  - a) Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
  - b) Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
  - c) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
  - d) Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
  - e) Công khai minh bạch mọi hoạt động của Tổng Công ty.
2. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 luật Chứng khoán năm 2019.
3. “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị quy định.
4. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
5. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không đồng thời giữ vị trí người điều hành theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này.
6. “Người phụ trách quản trị công ty” là người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm để hỗ trợ công tác quản trị công ty, thực hiện trách nhiệm, quyền hạn theo quy chế này.
7. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

## **Chương II**

### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.
2. Đại hội đồng có quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng Công ty;
  - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
  - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
  - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;

- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Tổng Công ty và cổ đông Tổng Công ty;
  - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty;
  - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
  - n) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;
  - o) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
  - p) Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
  - q) Thông qua báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
  - r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

**Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

***1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông***

1.1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ Tổng Công ty;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

1.2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Khoản 1.1.b Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại Khoản 1.1.c và Khoản 1.1.d Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty.

1.3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1.2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty.

1.4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1.3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 11.4 Điều lệ Tổng Công ty có quyền đại diện Tổng Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

## ***2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp***

2.1. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2.2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

## ***3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông***

3.1. Tổng Công ty phải thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

3.2. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Tổng Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

#### **4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

4.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán mà Tổng Công ty đăng ký giao dịch hoặc niêm yết.

4.2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết.

#### **5. Chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

5.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

5.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ Tổng Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá

nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5.3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 5.2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 5.2 Điều này.
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều 11.4 Điều lệ.
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 5.2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5.3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

## **6. Việc ủy quyền cho người đại diện họp Đại hội đồng cổ đông**

6.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều 12.6 Điều lệ Tổng Công ty.

6.2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng Công ty).

## **7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông**

7.1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các hình thức sau: đăng ký trực tiếp, gửi thư

hoặc thư điện tử hoặc hình thức khác cho Tổng Công ty trước thời hạn ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

7.2. Hội đồng quản trị quyết định cách thức đăng ký cụ thể, đảm bảo thuận lợi nhất cho các cổ đông trong việc đăng ký tham dự và thông báo đến các cổ đông khi thông báo triệu tập họp.

## 8. Điều kiện tiến hành

8.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

8.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 8.1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

8.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 8.2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

8.4. Theo đề nghị của chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã gửi kèm theo thông báo mời họp.

## **9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

## **10. Cách thức bỏ phiếu**

10.1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết mà cổ đông đó có. Biểu quyết tại đại hội sẽ tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

10.2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ biểu quyết hoặc bỏ phiếu biểu quyết vào thùng phiếu tùy theo nội dung lấy ý kiến. Cách thức biểu quyết sẽ được quy định cụ thể và thông qua tại Quy chế làm việc của Đại hội.

10.3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.



10.4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

### ***11. Cách thức kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu***

Số phiếu, thẻ biểu quyết được kiểm đếm theo thứ tự: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng vấn đề. Việc công bố kết quả kiểm phiếu được thực hiện theo quy định tại Quy chế làm việc của Đại hội.

### ***12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua***

12.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;

- e. Tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty.

12.2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 12.1 Điều này.

12.3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

12.4. Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

### ***13. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông***

13.1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ Tổng Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại 20.6 Điều lệ Tổng Công ty.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty.

13.2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

#### ***14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông***

14.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội

dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

14.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

14.3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

14.4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

14.5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

### ***15. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông***

Việc công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

### **Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

1. Ngoại trừ Đại hội đồng cổ đông thường niên, các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đều có thể được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều này.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

2.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty.

2.2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Quy chế này.

2.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Tổng Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2.4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

2.5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

2.6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết thực hiện công bố theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

2.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

2.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

2.9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến**

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy chế do Hội đồng quản trị xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi triển khai thực hiện.

### **Chương III**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một giá trị khác theo nghị quyết phân cấp thẩm quyền của Hội đồng quản trị tùy từng thời kỳ và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị từng thời kỳ; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, các quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty thuộc thẩm quyền theo nghị quyết của Hội đồng quản trị tùy từng thời kỳ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty; yêu cầu phá sản Tổng Công ty;

- p) Phân cấp cho Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ điều hành trong phạm vi quyền hạn của Hội đồng quản trị;
- q) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Tổng Công ty;
- r) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng Công ty;
- s) Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng Công ty;
- t) Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty;
- u) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Tổng Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
- v) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- w) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- x) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công ty;
- y) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có.
- z) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

**Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

**1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ 3 đến 11 thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

**2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị**

a) Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định pháp luật. Tổng Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

b) Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

i. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

ii. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty.

iii. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

iv. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Tổng Công ty.

v. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

3.1. Hội đồng quản trị thông báo cho các cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng quản trị; đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông đề cử, ứng cử.

3.2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) thành viên.

3.3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên để Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dòn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với



tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

5.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Tổng Công ty.

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

5.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

5.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 5.1 và khoản 5.2 Điều này.

5.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

6.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân

được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty (nếu có);
- f) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

6.2. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán Nhà nước trong vòng 24h kể từ khi xảy ra sự kiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.

#### 7. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

7.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

7.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

7.3 Bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị: Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn xin từ chức, Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới theo quy định.

#### **Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Tổng Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát.

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 03 người quản lý khác.

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

2.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 2.1 nêu trên. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị

3.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

3.2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công ty.

4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

#### 5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

#### 6. Cách thức biểu quyết

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

6.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp

6.2. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 8 Điều này.

6.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

6.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

6.5. Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức họp kết hợp một hoặc một số các hình thức nêu trên.

#### 7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### 8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

#### 9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

9.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

9.2. Thời gian, địa điểm họp.

9.3. Mục đích, chương trình và nội dung họp.

9.4. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.

9.5. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.

9.6. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.

9.7. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

9.8. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

9.9. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 10 Điều này.

10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp Hội đồng quản trị nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định từ khoản 9.1 đến 9.8 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

11. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

12. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Việc công bố nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

13. Thẩm quyền và thể thức, trình tự, thủ tục lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

**Điều 11. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

1.1. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

1.2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

3.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3.2. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

3.3. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Tổng công ty

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải được thông báo theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, luật doanh nghiệp và luật chứng khoán.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

5.1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;

5.2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

5.3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

5.4. Tham dự các cuộc họp;

5.5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

5.6. Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

5.7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công ty;

5.8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

5.9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật;

5.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **Chương IV**

### **BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 12. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1.1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty.

1.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

1.3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

1.4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng Công ty.

1.5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Tổng Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ Tổng Công ty.

1.6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ Tổng Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

1.7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

1.8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

1.9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng Công ty.

1.10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

1.11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

1.12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

1.13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

1.14. Giám sát tình hình tài chính của Tổng Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

1.15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

1.16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

1.17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

1.18. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

1.19. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

1.20. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty.

1.21. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

## 2. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

2.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.



2.2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng Công ty.

2.3. Trung thành với lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

2.4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

2.5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 2.1 đến 2.4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng Công ty.

2.6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

### **Điều 13. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát**

#### 1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

1.1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng Công ty từ 03 đến 05 Kiểm soát viên. Số lượng cụ thể thành viên Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

1.2. Ban kiểm soát bao gồm một Trưởng ban và các Kiểm soát viên. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên.

#### 2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

2.1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

2.2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty;

2.3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

2.4. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng Công ty;

2.5. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tập đoàn; người đại diện phần vốn nhà nước tại Tập đoàn, người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Tổng Công ty;

2.6. Không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty.
- b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

3.1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) thành viên.

3.2. Trường hợp số lượng ứng viên Kiểm soát viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Ban Kiểm soát giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

4. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

5.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

5.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty phải được thông báo theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

7.1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

7.2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

7.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty.

## **Chương V**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Điều 14. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc**

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- 2.1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- 2.2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- 2.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng Công ty;
- 2.4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty;
- 2.5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- 2.6. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- 2.7. Tuyển dụng lao động;
- 2.8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- 2.9. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

**Điều 15. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc**

- 1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc
  - 1.1. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
  - 1.2. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
    - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
    - b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Tổng Công ty, Kiểm soát viên của Tổng Công ty và Tập đoàn; người đại diện phần vốn nhà nước tại Tập đoàn, người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Tổng Công ty;
    - c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Tổng Công ty.
- 2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc
 

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc.
- 3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc
 

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc Tổng công ty phải được thông báo trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước trong vòng 24h kể từ khi xảy ra sự kiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.

5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

5.1. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

5.2. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

## **Chương VI**

### **CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC**

**Điều 16. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc**

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

1.2. Khi thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị có thể mời Ban Tổng Giám đốc hoặc Người điều hành khác có liên quan tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị.

1.3. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản được thực hiện theo quy định của Quy chế này.

1.4. Tại các phiên họp định kỳ, đột xuất của Ban điều hành, người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp có thể quyết định mời Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Thành viên Ban kiểm soát cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Nội dung cuộc họp phải lập thành biên bản và gửi về Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để báo cáo.

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát  
Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị tới các Kiểm soát viên trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

3. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc  
Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Các trường họp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

4.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:

- a) Tổng giám đốc hoặc ít nhất 03 người điều hành khác;
- b) Ban kiểm soát;

4.2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 4.1 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 4.1 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

5.1. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này định kỳ theo quy định và khi được yêu cầu.

5.2. Tổng giám đốc phải báo cáo trong các cuộc họp Hội đồng quản trị về các vấn đề sau: các quyết định trong quá trình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, đầu tư, hoạt động quản trị Tổng Công ty theo quy định tại Nghị quyết Phân cấp thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Các vấn đề ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động của Tổng công ty, cổ đông và thị trường, các rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác

5.3. Tổng giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ, kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trước Hội đồng quản trị.

5.4. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo cầu của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất theo yêu cầu.

6. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về việc thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị và các vấn đề được Hội đồng quản trị phân cấp đồng thời có trách nhiệm báo cáo các nội dung đã thực hiện hoặc chưa thực hiện cũng như kết quả việc thực hiện khi Hội đồng quản trị yêu cầu.

7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

7.1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

Hội đồng quản trị đảm bảo rằng tất cả tài liệu, thông tin về nội dung họp, tài liệu liệu, biên bản họp, nghị quyết họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các báo cáo của Tổng giám đốc và người điều hành khác trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành, được cung cấp cho Ban kiểm soát cùng thời điểm và phương thức như cung cấp với thành viên Hội đồng quản trị.

Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, Ban kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

7.2. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

Tổng giám đốc và người điều hành khác thực hiện cung cấp thông tin theo định kỳ các công việc theo quy định của Tổng công ty.

Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến công việc mà thành viên Ban kiểm soát được phân công thực hiện.

Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, Tổng giám đốc và người điều hành khác cần báo cáo ngay cho Ban kiểm soát

Tổng giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất. Các văn bản báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành

viên Ban kiểm soát cùng thời thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

### 8.3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị được quyền yêu cầu Tổng giám đốc và các đơn vị báo cáo thực hiện việc cung cấp thông tin, chấp hành chế độ báo cáo nhằm thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của Tổng công ty, phù hợp với quy định của pháp luật. Các thông tin, số liệu báo cáo, cung cấp cho Hội đồng quản trị phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, kịp thời, đầy đủ, phản ánh đúng tình hình hoạt động của Tổng công ty, phù hợp với yêu cầu quản trị và quy định pháp luật.

Tổng giám đốc có trách nhiệm thiết lập và duy trì thực hiện chế độ thông tin báo cáo đối với Hội đồng quản trị bao gồm cả cách thức gửi/nhận thông tin, báo cáo đảm bảo an toàn, bảo mật theo quy định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 17. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành khác**

Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành khác của Tổng Công ty.

Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng Kiểm soát viên.

Tiêu chí đánh giá hoạt động và xếp loại đánh giá theo quy định của Tổng công ty trong từng thời kỳ.

### **Điều 18. Xử lý vi phạm về quản trị công ty**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm pháp luật và quy định của Tổng Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Tổng Công ty và của pháp luật. Nếu những hành vi vi phạm gây thiệt hại đến lợi ích của Tổng Công ty, lợi ích của cổ đông thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

### **Điều 19. Công bố thông tin**

1. Tổng Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho cổ đông và công chúng đầu tư. Tổng Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nêu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.



2. Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

3. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Tổng Công ty có trách nhiệm sau:

a) Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty.

b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

### **Điều 20. Bổ sung, sửa đổi Quy chế**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty.

### **Điều 21. Ngày hiệu lực**

Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel bao gồm 21 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 04 năm 2021/.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Nam**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-VCC-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng ... năm 2021

## **QUY CHẾ**

### **HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-VCC-HĐQT ngày tháng năm 2021  
của Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel)*

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số /NQ-VCC-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2021.*

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel bao gồm các nội dung sau:

## **CHƯƠNG I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh:** Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

#### **2. Đối tượng áp dụng:**

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

## **Điều 2. Giải thích từ ngữ và viết tắt**

1. **“Tổng Công ty”**: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.
2. **“HĐQT”**: Hội đồng quản trị của Tổng Công ty.
3. **“Chủ tịch HĐQT”**: Chủ tịch hội đồng quản trị của Tổng Công ty.
4. **“Thành viên HĐQT”**: Thành viên hội đồng quản trị của Tổng Công ty.
5. **“Thành viên không điều hành”**: là thành viên không nắm giữ các chức vụ trong Ban điều hành của Tổng Công ty.
6. **“Thành viên HĐQT chuyên trách”**: là thành viên HĐQT không nắm giữ các chức vụ trong Ban điều hành, làm việc toàn thời gian và duy nhất tại Tổng Công ty.
7. **“ĐHĐCĐ”**: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty.
8. **“Người điều hành doanh nghiệp”** là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các chức danh khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
9. **“Quy chế quản lý nội bộ”** thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT bao gồm bao gồm các văn bản theo danh sách ban hành kèm Nghị quyết Hội đồng quản trị từng thời kỳ.

## **Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị .

## **CHƯƠNG II**

### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng Công ty, trong đó có quyền được

cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và của các đơn vị trong Tổng Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng Công ty, theo quy định tại Quy chế này và phân công của Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến thảo luận, biểu quyết về các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích;

c) Triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

d) Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu;

e) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

f) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

g) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

h) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và của đơn vị trong Tổng Công ty.

2. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Tổng Công ty quy định.

### **Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ 3 đến 11 thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

### **Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.
4. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

### **Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

### **Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Quy chế này.
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

### **Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Hội đồng quản trị thông báo cho các cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng quản trị; đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông đề cử, ứng cử.

b) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

c) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ

80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) thành viên.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

### **Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;



- c) Quá trình công tác;
  - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
  - e) Lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty (nếu có);
  - f) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III**

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
  - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty;
  - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng Công ty;
  - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;
  - f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;
  - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất

của Tổng Công ty hoặc một giá trị khác theo nghị quyết phân cấp thẩm quyền của Hội đồng quản trị tùy từng thời kỳ và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị từng thời kỳ; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty; yêu cầu phá sản Tổng Công ty;

p) Phân cấp cho Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ điều hành trong phạm vi quyền hạn của Hội đồng quản trị;

q) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Tổng Công ty;

r) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng Công ty;

s) Đảm bảo hoạt động của Tổng Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng Công ty;

t) Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty;

u) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Tổng Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;

v) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

w) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

x) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công ty;

y) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có.

z) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng Công ty gây thiệt hại cho Tổng Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

### **Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Nghị quyết phân cấp thẩm quyền của Hội đồng quản trị giữa Tổng Công ty với một trong các đối tượng sau:

- a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng Công ty và người có liên quan của họ;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
- c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Tổng Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

### **Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ Tổng Công ty.

- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

## 2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

## **Điều 15. Các ủy ban và bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ủy ban/Hội đồng trực thuộc Hội đồng quản trị để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Quy chế này, Điều lệ Tổng Công ty và theo quy định của pháp luật.

2. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty/hoặc thành lập Tiểu ban thư ký/Văn phòng Hội đồng quản trị là bộ máy giúp việc cho Hội đồng quản trị. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của do Hội đồng quản trị quy định trong từng thời kỳ, phù hợp quy định pháp luật, theo đó thực hiện một số nhiệm vụ chính như sau:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Tổng Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

3. Hội đồng quản trị có quyền thuê nhân viên và tư vấn độc lập, các kế toán độc lập và các tư vấn bên ngoài khác để thực hiện các công việc liên quan phù hợp với Điều lệ Tổng Công ty và quy định pháp luật.

## **CHƯƠNG IV**

### **CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 16. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 03 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị quy định cụ thể các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức họp kết hợp một hoặc một số các hình thức nêu trên.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### **Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;



f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm từ a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

### **Điều 18. Tổ chức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định nội dung lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản hoặc phương thức điện tử. Bộ phận giúp việc/Thư ký công ty chịu trách nhiệm tổ chức việc triển khai theo quy định tại Quy chế này, phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

2. Thông báo lấy ý kiến phải được gửi kèm theo Phiếu biểu quyết và các tài liệu liên quan, được gửi theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử, hệ thống thông tin nội bộ hoặc phương tiện khác, nhưng đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị đã được đăng ký tại Tổng Công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty;

- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị;
- Vấn đề cần lấy ý kiến;
- Phương án biểu quyết: “Đồng ý”, “Không đồng ý” hoặc “Không có ý kiến.
- Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Tổng Công ty;
- Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về Tổng Công ty theo quy định. Nếu quá thời hạn đề nghị gửi lại theo quy định thì văn bản xin ý kiến đó coi như thành viên Hội đồng quản trị không có ý kiến.

5. Bộ phận giúp việc/Thư ký công ty hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm/chỉ định thực hiện các thủ tục kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu (Sau đây gọi là “Người kiểm phiếu”). Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty;
- Mục đích lấy ý kiến và các vấn đề cần lấy ý kiến;
- Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết.
- Tổng số phiếu đồng ý, không đồng ý và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
- Họ tên, chữ ký của Người kiểm phiếu, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản áp dụng theo nguyên tắc thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị tại Điều 16 của Quy chế này.

8. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc đợt kiểm phiếu.

9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

10. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

## **CHƯƠNG V**

### **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

#### **Điều 19. Trình báo cáo hằng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

#### **Điều 19. Chế độ làm việc, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty làm việc theo chế độ kiêm nhiệm hoặc chuyên trách. Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách là thành viên Hội đồng quản trị không nắm giữ các chức vụ trong Ban điều hành, làm việc toàn thời

gian và duy nhất tại Tổng Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm gồm các thành viên Hội đồng quản trị không làm việc theo chế độ chuyên trách.

2. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

3. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### **Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty phải kê khai cho Tổng Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của

Tổng Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng Công ty.

## **CHƯƠNG VI**

### **MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

#### **Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

#### **Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát**

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình

đăng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

## **CHƯƠNG VIII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 35. Điều khoản thi hành**

1. Quy chế này được soạn thảo trên cơ sở các Quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, quy định pháp luật hiện hành.
2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được thông qua.
3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được áp dụng theo các quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, các quy chế nội bộ khác và các quy định pháp luật hiện hành./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Nam**

Số: 13/TT- VCC-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2021

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT cho thời gian còn lại**  
**của nhiệm kỳ 2020-2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Công trình Viettel.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel;

Căn cứ đơn từ nhiệm của Ông Nguyễn Đình Chiến – Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025, để đáp ứng yêu cầu quản trị Tổng Công ty trong giai đoạn mới. Với nội dung chi tiết như sau:

1. Thông qua miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 đối với Ông Nguyễn Đình Chiến.

2. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025: Số lượng 01 người.

3. Thông qua danh sách ứng viên để bầu bổ sung vào HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 theo đề cử của Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội:

➤ Ông: Nguyễn Thanh Nam

*(Chi tiết sơ yếu lý lịch ứng viên được công bố trên website của Tổng Công ty.)*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./



**NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN**